

B/c TT Khanh  
VP đề xuất Vụ KHTC

BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

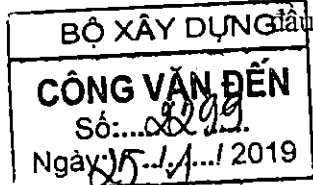
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 174/HUD-KHTH

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Vv: báo cáo tình hình thực hiện KH năm 2018,  
trình Bộ Xây dựng phê duyệt KH SXKD,

BỘ XÂY DỰNG đầu tư phát triển năm 2019



25.1

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại văn bản số 40/BXD-QLDN ngày 09/01/2019 về trình phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2019, Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị báo cáo Bộ Xây dựng tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 và trình Bộ Xây dựng xem xét chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2019 của Tổng công ty với các nội dung sau:

## I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

### 1. Đặc điểm tình hình.

Năm 2018 là năm bản lề Tổng công ty thực hiện Kế hoạch 05 năm 2016-2020 được Bộ Xây dựng phê duyệt, là năm Tổng công ty phải tiếp tục triển khai nhiều nội dung công việc trong công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng. Tổng công ty triển khai thực hiện KH năm 2018 trong bối cảnh tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, chính trị - xã hội ổn định, kinh tế có nhiều chuyển biến khả quan, môi trường kinh doanh được cải thiện, thị trường bất động sản có nhiều dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, Tổng công ty triển khai kế hoạch 2018 với không ít khó khăn thách thức: lượng hàng tồn kho của Tổng công ty lớn, kém tính thanh khoản và đòi hỏi phải thực hiện nhiều công việc, thủ tục để có thể hoàn thiện, đủ điều kiện đưa vào kinh doanh; tín dụng ngân hàng đối với lĩnh vực bất động sản theo hướng thắt chặt; những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình triển khai dự án theo kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra cần phải khắc phục; quá trình triển khai công tác cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp phát sinh nhiều thủ tục và làm tăng giá vốn hàng bán do phải cập nhật tiền sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp,... Những mục tiêu kế hoạch 05 năm, giai đoạn 2016-2020 đặt ra rất lớn trong khi kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và những năm đầu kỳ KH 5 năm có những mặt còn hạn chế.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; triển khai quyết định số 15/QĐ-BXD ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của Ngành Xây dựng thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Tổng công ty xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm

2018 như sau:

## 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch chính:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Các chỉ tiêu	TỔNG CÔNG TY			CÔNG TY MẸ		
		KH 2018	Ước TH 2018		KH 2018	Ước TH 2018	
			Giá trị	% KH		Giá trị	% KH
1	Giá trị SXKD	9.890	9.985	101%	1.862	2.310	124%
2	Giá trị đầu tư	3.490	3.482	100%	1.271	1.550	122%
3	Doanh thu	8.060	7.870	98%	1.150	1.400	122%
4	LN trước thuế	625	652	104%	166	170	102%
5	Nộp NSNN	695	698	100%	230	360	157%

*(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)*

## 3. Kết quả thực hiện KH SXKD năm 2018 của Công ty mẹ TCT:

### 3.1. Về đầu tư phát triển:

Giá trị đầu tư phát triển của Tổng công ty tập trung chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư các dự án nhà ở và hạ tầng đô thị với giá trị thực hiện đạt 3.482 tỷ /KH cả năm 3.490 tỷ, bằng 100% kế hoạch đầu tư được Bộ Xây dựng chấp thuận. Hoạt động đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên tại các dự án như sau:

- Đối với Công ty mẹ Tổng công ty giá trị đầu tư nhà và hạ tầng của Công ty mẹ Tổng công ty đạt 1.550 tỷ /KH cả năm 1.271 tỷ, bằng 122% kế hoạch, tập trung chủ yếu vào các khối lượng công việc: đầu tư HTKT và nhà ở thấp tầng dự án HUD Sơn Tây, HTKT dự án Thanh Lâm Đại Thịnh II, Đông Sơn, Phú Mỹ Chánh Mỹ, Đông Tăng Long; hoàn thiện HTKT dự án Việt Hưng; BTGPMB và san nền tái lấn chiếm, góp vốn ĐTXD HTKT chính dự án Hiệp Bình Phước; hoàn thiện các công trình: CC2 Văn Quán, HUDTOWER, phần thô dự án HUD Building Nha Trang,...

Công tác chuẩn bị đầu tư được đẩy mạnh tại một số dự án: Nam An Khánh, CC1 Mỹ Đình, Mê Linh - Đại Thịnh, Thanh Lâm - Đại Thịnh 1, HUD Đà Lạt,... và đạt được những kết quả tích cực bước đầu; dự án HUD Đà Lạt đã được gia hạn và đang tích cực triển khai.

Nhìn chung, trong năm 2018 khối lượng đầu tư của Công ty mẹ vượt kế hoạch đề ra và chuẩn bị được các tiền đề thuận lợi để triển khai kế hoạch 2019.

### 3.2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong 6 tháng đầu năm, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty đạt rất thấp (26% KH cả năm). Với nhiều giải pháp quyết liệt được

triển khai, sản xuất, kinh doanh 6 tháng cuối năm có nhiều chuyển biến tích cực với sự tăng trưởng vượt bậc. Kết quả thực hiện KHSXKD năm 2018 của Công ty mẹ Tổng công ty đạt 2.310 tỷ /KH cả năm 1.862 tỷ, bằng 124% kế hoạch với chỉ tiêu kinh doanh nhà và hạ tầng ước đạt 2.161 tỷ/KH cả năm 1.650 tỷ, bằng 131% kế hoạch cả năm, chủ yếu tập trung tại một số dự án: HUD Sơn Tây, Hà Tĩnh, HUD Building Nha Trang, Đông Tăng Long, Phú Mỹ, ... và cho thuê văn phòng của Tổng công ty.

Giá trị xây lắp tự thực hiện năm 2018 đạt 149 tỷ/KH cả năm 212 tỷ đồng, bằng 70% KH cả năm.

#### **4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD của các đơn vị thành viên trong năm 2018**

##### ***4.1. Về đầu tư nhà và đô thị***

Trong năm 2018, giá trị đầu tư của các đơn vị thành viên Tổng công ty đạt giá trị 1.932 tỷ/KH cả năm 2.223 tỷ, bằng 87% KH cả năm, tập trung chủ yếu tại một số dự án chung cư cao tầng 176 Định Công của HUD1; chung cư Hanel của HUD3; các dự án của HUD4: Khu đô thị sinh thái Sông Đơ, Nhà thu nhập thấp C5 Nam TP Thanh Hóa; các dự án của HUDLAND tại Bắc Ninh; Xuân Phương Garden của HUD8; nhà ở XH Phước Long của HUD Nha Trang,... và chi phí nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư các dự án mới của các Công ty HUD2, HUD6, HUD.VN, HUDNT, HUDS, HUDSE, VINA UIC,..

##### ***4.2. Về sản xuất kinh doanh các đơn vị thành viên***

Trong năm 2018 giá trị SXKD của các đơn vị thành viên Tổng công ty đạt 7.676 tỷ/KH cả năm 8.026 tỷ, bằng 96% KH cả năm; cụ thể theo từng lĩnh vực như sau:

- Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng đạt 2.790 tỷ/ KH cả năm 3.063 tỷ, bằng 91% kế hoạch năm, tập trung chủ yếu vào giá trị kinh doanh Khu B Bắc Ninh của HUDLAND; Chung cư Tây Nam Linh Đàm của HUD6; chung cư Hanel Nguyễn Đức Cảnh của HUD3; các dự án tại Thanh Hóa của HUD4; Xuân Phương Garden của HUD8; nhà xã hội của HUD Nha Trang; dự án Bắc đường Nguyễn Huệ của VINA UIC; đất ở thấp tầng Hà Tĩnh của HUDSE.

- Giá trị xây lắp đạt 1.915 tỷ/KH cả năm 2.248 tỷ, bằng 85% kế hoạch năm; giá trị xây lắp lớn tập trung vào một số khối lượng của Tổ hợp mẹ con HUD Kiên Giang; xây lắp tự thực hiện Chung cư 176 Định Công, thi công hạ tầng khu TĐC Ngọc Hiệp, nhà ở xã hội Bắc Ninh của HUD1; xây lắp tự thực hiện Chung cư Hanel, thi công chung cư 32 Duy Tân, chung cư cao tầng khu nhà ở Gia Quất, Long Biên, chung cư N10 Tái định cư Giang Biên, Long Biên... của HUD3; các gói thầu tự thực hiện tại Sông Đơ, Phú Sơn, trung tâm điều hành khu B khu CN Bim Sơn của HUD4; tự thực hiện của HUD Nha Trang; thi công xây lắp của VINAUIC,..

- Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng của các đơn vị thành viên được vượt kế hoạch đề ra, trong năm 2018 đạt 1.594 tỷ/ KH cả năm 1.420 tỷ, bằng

112% KH cả năm, tập trung chủ yếu vào giá trị sản xuất kinh doanh xi măng, gạch ngói và một số vật tư vật liệu khác của HUD Kiên Giang, HUD4,...

- Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh khác như dịch vụ quản lý nhà và đô thị, tư vấn đầu tư và xây dựng, cơ khí, mua bán ô tô, vé máy bay, dịch vụ sân golf,... của HUDS, HUDCIC, HUDSE, HUD10, HUD3, HUD Kiên Giang, Tam Đảo và một số đơn vị thành viên khác đạt kế hoạch đề ra với giá trị 1.297 tỷ / KH cả năm 1.221 tỷ, bằng 106% KH cả năm.

#### **5. Tình hình nợ phải thu, trong đó nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi:**

Tổng nợ phải thu của toàn Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2018 là 3.197 tỷ đồng, trong đó của riêng Công ty mẹ là 808 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi chủ yếu là nợ phải thu các công trình xây lắp tại các đơn vị thành viên đối với các chủ đầu tư bên ngoài, nguyên nhân do một số công trình thi công xong nhưng chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn để thanh toán, riêng Công ty mẹ - Tổng công ty có khoản nợ phải thu Công ty CP thép Sông Hồng THS với giá trị 46 tỷ đồng. Các khoản nợ phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng toàn bộ với tổng giá trị là -68 tỷ đồng. Ngoài ra Tổng công ty không có các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

#### **6. Tình hình, khả năng thanh toán nợ (tổng số nợ vay, số nợ phải trả trong năm, cân đối nguồn trả nợ, thừa (thiếu) nguồn trả nợ:**

Tổng dư nợ đến thời điểm 31/12/2018 của toàn Tổng công ty là 10.434 tỷ đồng, trong đó vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng với tổng giá trị 3.970 tỷ đồng, chi phí phải trả để đầu tư hoàn thiện các dự án là hơn 3.600 tỷ đồng, các khoản chưa nộp NSNN là 812 tỷ đồng, nợ khách hàng 1.160 tỷ đồng, còn lại là các khoản nợ khác bao gồm cả quỹ khen thưởng phúc lợi hơn 103 tỷ đồng. Với tình hình kinh doanh bất động sản còn đã hồi phục nhưng chỉ tại một số phân khúc và địa bàn nhất định; do đó trong năm 2018 Công ty mẹ - Tổng công ty có những giai đoạn khó khăn về dòng tiền, phải bù đắp thiếu hụt dòng tiền bằng nguồn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Riêng Công ty mẹ - Tổng công ty dòng tiền thiếu hụt trong năm được cân đối thông qua việc vay vốn các ngân hàng và tổ chức tín dụng với giá trị tổng hạn mức là 1.400 tỷ đồng (bao gồm cả ngắn hạn, trung hạn), phát hành trái phiếu 500 tỷ đồng. Tuy nhiên nhìn chung tình hình huy động vốn và sử dụng vốn trong năm của toàn Tổng công ty được đảm bảo cân đối, trả các khoản vay nợ ngân hàng tổ chức tín dụng kịp thời không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đặc biệt Công ty mẹ đã thu xếp trả đầy đủ 01 lần 760 tỷ đồng cả gốc và lãi của khoản trái phiếu 2015 đến hạn ngày 24/7/2018.

Đối với khoản nợ NSNN chủ yếu là tiền sử dụng đất tại các dự án do Công ty mẹ làm chủ đầu tư, Công ty mẹ cũng đã xây dựng lộ trình trả các khoản tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và hiện đang thực hiện theo đúng tiến độ cam kết với cơ quan thuế, chưa để xảy ra tình trạng bị cưỡng chế phong tỏa tài khoản ngân hàng.

## **7. Tình hình sử dụng lao động, trả lương và thu nhập của người lao động, việc đóng BHXH và thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong năm 2018 tạo công ăn việc làm cho hơn 3.000 lao động; trong đó số lao động có hợp đồng dài hạn là hơn 2.400 người, tại Công ty mẹ Tổng công ty là 380 người. Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của một số đơn vị còn gặp không ít khó khăn nhưng Tổng công ty vẫn đảm bảo việc làm cho người lao động; thực hiện nghiêm túc các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động.

## **8. Tình hình triển khai Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp và cổ phần hóa Tổng công ty:**

### **8.1. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp:**

Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2013-2015 có tính đến 2020 được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt tại QĐ số 806/QĐ-BXD ngày 29/8/2013. Trong quá trình thực hiện Đề án, căn cứ theo tình hình thực tế, ngày 21/11/2017 Tổng công ty đã có Tờ trình số 2682/HUD-HĐTV trình Bộ Xây dựng phê duyệt Phương án sắp xếp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2017-2020. Ngày 25/01/2018, Tổng công ty có công văn số 183/HUD-KHTH về việc báo cáo bổ sung kế hoạch 2018 và phương án sắp xếp Tổng công ty giai đoạn 2017-2020. Ngày 14/5/2018, Tổng công ty có công văn số 1027/HUD-TCKT về việc trình phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp giai đoạn 2017-2020 của Tổng công ty HUD, theo đó trong Phương án thoái vốn Tổng công ty trình Bộ Xây dựng thoái vốn 100% tất cả các công ty con và công ty liên kết giai đoạn 2017-2020.

Ngoài ra, trong năm 2018, Tổng công ty đã có Tờ trình số 2082/HUD-HĐTV ngày 28/8/2018 về việc phê duyệt chủ trương thoái vốn của Tổng công ty tại 04 Công ty con, gồm: Công ty CP HUD1; Công ty CP HUD2; Công ty CP Tam Đảo; Công ty CP HUD.VN. Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2394/BXD-QLDN ngày 26/9/2018 về việc thoái vốn tại 04 công ty trên, theo đó Bộ Xây dựng đã chấp thuận chủ trương để Tổng công ty xây dựng, trình Bộ phương án thoái vốn tại 04 công ty. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đang triển khai các bước tiếp theo để thực hiện việc thoái vốn.

### **8.2. Về công tác cổ phần hóa:**

Tổng công ty còn 02 đơn vị 100% vốn nhà nước là Công ty mẹ - Tổng công ty và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (HUDS).

**6.2.1 Đối với Công ty mẹ - Tổng công ty HUD:** Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại văn bản số 12222/VPCP-ĐMDN ngày 15/11/2017. Tổng công ty HUD đã khẩn trương thực hiện các bước xác định lại GTDN Công ty mẹ - Tổng công ty tại thời điểm 24h00 ngày 31/12/2017. Đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty HUD đã thực hiện hoàn thành các bước công việc cụ thể như sau:

(1) Hoàn thành việc ký kết phụ lục hợp đồng với đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (Công ty VVFC) về việc tiếp tục thực hiện xác định lại giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty HUD tại thời điểm 24h00 ngày 31/12/2017.

(2) Hoàn thành công tác xử lý tài chính: hoàn thành việc kiểm kê phân loại tài sản, nguồn vốn, đối chiếu công nợ, hạch toán, xử lý tài chính để phục vụ công tác lập báo cáo tài chính.

(3) Hoàn thành việc lập và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty tại thời điểm 24h00 ngày 31/12/2017.

(4) Hoàn thành công tác quyết toán thuế với Cục thuế TP Hà Nội theo quyết định số 22250/QĐ-CT-KT2, đã ký biên bản xác nhận số liệu với Đoàn kiểm tra, hiện chỉ còn bước phát hành Biên bản kiểm tra để làm cơ sở điều chỉnh báo cáo tài chính, tiến tới thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản, nguồn vốn.

(5) Công ty VVFC đã hoàn thành xong các biểu mẫu đánh giá lại giá trị tài sản, nguồn vốn trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp. Hiện đang chờ kết quả Biên bản kiểm tra của cơ quan thuế và kết quả làm việc với các địa phương về phương án sử dụng đất và giá đất cụ thể trước khi chính thức hoàn chỉnh hồ sơ.

(6) Hoàn thành việc kê khai sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng đã thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và đã hoàn thành việc kiểm tra hiện trạng nhà đất theo phương án sắp xếp của HUD, hiện đang lấy ý kiến của các địa phương trước khi Bộ Tài chính phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

(7) Hoàn thành việc lập phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đối với toàn bộ đất đai tại 31 dự án cần lập phương án sử dụng đất và đã trình Bộ Xây dựng xem xét, hiện đang làm việc với các địa phương về phương án sử dụng đất và giá đất.

*6.2.2 Đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (HUDS):* là Công ty con do Tổng công ty HUD sở hữu 100% vốn: Được tiến hành cổ phần hóa đồng thời cùng Tổng công ty HUD.

Ngày 27/3/2018, tại Thông báo số 111/TB-BXD, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã có kết luận về công tác cổ phần hóa Công ty HUDS điều chỉnh lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2017 để đảm bảo đúng quy định của Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 126/2017/NĐ-CP. Công ty HUDS đã khẩn trương thực hiện các bước xác định lại GTDN Công ty tại thời điểm 24h00 ngày 31/12/2017.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty HUDS đã thực hiện hoàn thành các bước công việc cụ thể: Hoàn thành việc kiểm kê phân loại tài sản, nguồn vốn, công tác đối chiếu công nợ, xử lý tài chính để phục vụ công tác lập báo cáo tài chính, lập và kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm 24h00 ngày 31/12/2017, thực hiện công tác quyết toán thuế với Cục thuế TP Hà Nội làm cơ sở điều chỉnh báo

cáo tài chính, tiến tới thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản, nguồn vốn; hoàn thành việc kê khai Phương án sắp xếp lại xử lý các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP trình Bộ Xây dựng xem xét gửi xin ý kiến Bộ Tài chính và các địa phương đối với toàn bộ 117 các cơ sở nhà, đất của Công ty quản lý, sử dụng. Như vậy, về cơ bản Công ty HUDS đã hoàn thành các bước, hiện chỉ còn chờ kết quả làm việc với Bộ Tài chính và các địa phương về phương án sắp xếp các cơ sở nhà đất, phương án sử dụng đất và giá đất để làm cơ sở tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp, trình Ban chỉ đạo CPH, Bộ Xây dựng kết quả.

## **9. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kết luận thanh, kiểm tra:**

### ***9.1. Tiếp tục thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ Chính phủ:***

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 811/KL-TTCP ngày 13/4/2015 của Thanh tra Chính phủ thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (Tổng công ty HUD) và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra tại Tổng công ty HUD, Tổng công ty nghiêm túc thực hiện, tích cực triển khai cũng như thường xuyên liên tục có báo cáo những nội dung đã hoàn thành và các kiến nghị, đề xuất vướng mắc định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm gửi Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội.

Các nội dung hoàn thành cũng như những đề xuất kiến nghị theo Kết luận số 811/KL-TTCP ngày 13/4/2015 của Thanh tra Chính phủ tại các Báo cáo của Tổng công ty HUD đã được Thủ tướng Chính phủ ghi nhận. Hiện Tổng công ty vẫn tiếp tục tích cực triển khai các nội dung thực hiện kết luận Thanh tra và thường xuyên cập nhật, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

### ***9.2. Thực hiện Thanh tra tài chính tại Tổng công ty:***

Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 2428/QĐ-BTC ngày 24/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng thành viên đã chỉ đạo Ban điều hành, các Ban chức năng, đơn vị có liên quan và người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị: HUDS, HUD2, HUD3, HUD4, HUD8, HUD.VN, HUDLAND phối hợp chặt chẽ, tích cực với đoàn Thanh tra để thực hiện công tác thanh tra tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị nói trên, tập trung vào các nội dung: quản lý và sử dụng tài sản và vốn tại doanh nghiệp; quản lý doanh thu, chi phí và báo cáo kết quả kinh doanh; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và chấp hành các quy định pháp luật về tài chính, chứng khoán, kế toán.

Đến hết năm 2018, công tác thanh tra tài chính đã hoàn thành, Đoàn Thanh tra đã ban hành Kết luận thanh tra. Qua hoạt động thanh tra, về cơ bản Công ty mẹ và các đơn vị nói trên không phát sinh các vấn đề nghiêm trọng trong hoạt động tài chính.

### ***9.3. Thực hiện Kết luận của Thanh tra chuyên ngành khác:***

Năm 2018, ngoài việc thực hiện kết luận Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Tổng cục Thuế, Thanh tra Tài chính, Tổng công ty còn là đối tượng thanh tra hoặc đối tượng có liên quan của nhiều cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành như: Xây dựng, Tài nguyên môi trường,.. Tổng công ty luôn phối hợp tích cực, nghiêm túc với với các đoàn thanh, kiểm tra tại Tổng công ty. Các kết luận thanh, kiểm tra đều được Hội đồng thành viên chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền.

#### ***9.4. Công tác giám sát, kiểm tra nội bộ và giải quyết khiếu nại, tố cáo:***

Năm 2018, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị thành viên. Qua kết quả kiểm tra, giám sát trực tiếp tại 02 đơn vị và kiểm tra, giám sát gián tiếp tại các đơn vị khác cho thấy hoạt động quản trị doanh nghiệp tại các đơn vị còn một số vấn đề tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong công tác quản lý vốn và tài sản, việc thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị có lúc còn chưa được chấp hành nghiêm túc. Hội đồng thành viên đã yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương có các biện pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế trong hoạt động quản trị doanh nghiệp của các đơn vị này.

Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh kiểm tra nội bộ: việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình và quy định của pháp luật và của Tổng công ty; công tác kiểm tra nội bộ được xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên thông qua hoạt động quản trị, giám sát nội bộ.

#### **10. Một số công tác khác**

Trong Quý I/2018, Bộ Xây dựng đã kiện toàn nhân sự lãnh đạo Tổng công ty, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác của một số Thành viên Hội đồng thành viên TCT. Ban lãnh đạo nhiệm kỳ mới đã khẩn trương tiếp nhận các công việc, tiếp tục triển khai các công việc đang thực hiện theo thẩm quyền, không làm gián đoạn hoạt động của Tổng công ty và từng bước rà soát chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc công ty mẹ, cơ cấu lại một số Ban chức năng, thành lập mới Ban phát triển dự án thuộc Công ty mẹ và kiện toàn nhân sự, bổ nhiệm lại một số chức danh lãnh đạo của các Ban chức năng và đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu trong hoạt động của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay. Ý thức tổ chức, kỷ luật của cán bộ, nhân viên, người lao động đã dần đi vào nề nếp, cần tiếp tục được củng cố, nâng cao hơn nữa.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, văn phòng, lưu trữ đang được Công ty mẹ Tổng công ty tiếp tục rà soát, cải tiến nhằm tăng cường kết nối, quản lý quy trình thực hiện, số hóa và lưu trữ hồ sơ thông qua hệ thống văn phòng điện tử và hệ thống điện toán đám mây.



Công ty mẹ TCT đang nghiên cứu và từng bước áp dụng hệ thống B.I.M (Building Information Modeling), tạo lập và sử dụng mô hình thông tin trong các giai đoạn thiết kế, thi công và vận hành công trình, trước mắt đang hoàn thiện các thủ tục để ứng dụng tại dự án HUD Building Nha Trang.

Việc rà soát hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các chung cư do HUD đầu tư đang được triển khai một cách hệ thống để giải quyết các tồn tại, bàn giao cho các ban quản trị, xác định rõ trách nhiệm còn lại của HUD theo đúng quy định hiện hành đối với công tác phòng cháy chữa cháy.

Công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án đang được Tổng công ty tập trung đẩy mạnh, hiện đã tổng hợp đầy đủ hồ sơ để trình quyết toán các dự án đã cơ bản đủ điều kiện như: Hoa Lư, HTKT 24 ha Bắc Linh Đàm, số 2 Giảng Võ, Thái Bình, Mỹ Đình II, 159 Điện Biên Phủ, Đông Bắc Ga Thanh Hóa,...

## **11. Đánh giá chung:**

### ***11.1. Ưu điểm, các kết quả đạt được:***

Trong năm 2018, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty về cơ bản đạt yêu cầu, với một số kết quả chính như sau:

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch tất cả các chỉ tiêu SXKD, một số chỉ tiêu vượt mức rất cao.

- Hệ thống nhân sự lãnh đạo cấp cao được cấp có thẩm quyền quan tâm, kiện toàn đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự các cấp, nhất là tại Công ty mẹ được từng bước kiện toàn, phù hợp tình hình thực tiễn, đảm bảo sự ổn định và bước đầu phát huy được hiệu quả, tạo điều kiện duy trì, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Tổng công ty.

- Các khó khăn trước mắt về tài chính của Công ty mẹ đang được tháo gỡ, giải quyết. Một số dự án triển khai có sự chững chặc dẫn đến nguy cơ bị thu hồi đã được cấp có thẩm quyền đồng ý để Tổng công ty tiếp tục triển khai. Kế hoạch đầu tư trung và dài hạn mang tính khả thi gắn với KH tài chính, thu xếp các nguồn lực được chuẩn bị, tạo nguồn công việc cho năm KH 2019 và các năm tiếp theo.

- Các chế độ chính sách, lương, bảo hiểm, thu nhập của người lao động được quan tâm và bảo đảm; thu nhập của người lao động Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên hoạt động có hiệu quả tăng so với năm trước;

- Hoạt động quản trị, triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ yêu cầu; kết quả công tác của người đại diện phần vốn được đánh giá nghiêm túc trước kỳ đại hội cổ đông thường niên; công tác giám sát của HĐQT được triển khai đã kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế tại một số đơn vị thành viên.

- Kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra, giám sát được tiếp tục được triển khai thực hiện, báo cáo kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền.

### **11.2. Các tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh các mặt đạt được nêu trên, trong hoạt động của Tổng công ty trong năm 2018 vẫn còn những tồn tại, hạn chế chính như sau:

- Mặc dù các chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và tăng trưởng cao so với thực hiện 2017, nhưng kết quả thực hiện KH sản xuất kinh doanh năm 2018 của một số đơn vị thành viên không hoàn thành.

- Kết quả đầu tư của cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con năm 2018 hoàn thành kế hoạch đề ra, trong đó Công ty mẹ hoàn thành vượt mức KH, tuy nhiên, tại một số dự án, hoạt động đầu tư chưa theo kịp yêu cầu, đòi hỏi của công tác kinh doanh; thủ tục đầu tư tại một số dự án triển khai chậm, có khả năng ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2019, định hướng đầu tư cho một số dự án còn lúng túng, chưa bám sát thực tế; một số đơn vị thành viên không hoàn thành KH đầu tư năm 2018, nên ảnh hưởng đến việc xây dựng, triển khai KH đầu tư, kinh doanh, doanh thu năm 2019.

- Công tác cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty và Công ty HUDS mặc dù được chỉ đạo và triển khai quyết liệt, tích cực, đã hoàn thành nhiều nội dung quan trọng nhưng tiến độ chậm so với Kế hoạch đề ra; việc hoàn thiện đề trình Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty còn kéo dài. Việc triển khai các thủ tục để thoái vốn 04 đơn vị thành viên sau khi Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương triển khai còn chậm.

- Công tác triển khai giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng thành viên, nhất là các quyết nghị liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh còn hạn chế; việc kiểm tra, giám sát Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên đôi khi còn chưa được thường xuyên, liên tục.

- Việc thực hiện kết luận Thanh tra Chính phủ các các cơ quan kiểm tra, giám sát đã hoàn thành nhiều công việc quan trọng nhưng công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành triển khai chậm. Tiến độ trình duyệt quy hoạch và hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định triển khai chậm.

- Một số quy trình quản lý, thủ tục nội bộ Tổng công ty, giữa Công ty mẹ và các đơn vị còn qua nhiều khâu, chậm và kéo dài; đã được HĐQT chỉ đạo điều chỉnh, tuy nhiên do đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT nên vẫn chưa hoàn thành.

### **11.3. Nguyên nhân:**

#### **Khách quan:**

- Nợ công tăng cao ảnh hưởng đến các chính sách tài khóa và đầu tư công dẫn đến thị trường xây lắp thu hẹp, cạnh tranh khốc liệt;

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý vốn và tài sản đối với các doanh nghiệp Nhà nước, trong quản lý đầu tư và xây dựng mới đưa vào áp dụng như Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật quản lý vốn Nhà nước,... phát sinh nhiều thủ tục hành chính trong quá trình triển khai đầu tư và kinh doanh các dự án phát triển đô thị và nhà ở, nhất là đối với các doanh nghiệp Nhà nước gây ảnh hưởng nhất định đến sự chủ động, linh hoạt và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt; các quy định hiện hành trong Luật Đấu thầu, Luật quản lý vốn nhà nước làm hạn chế sức mạnh tổng hợp cả bộ máy Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty;

- Thị trường bất động sản tuy có sự tăng trưởng tích cực nhưng chỉ tập trung tại một số địa bàn và phân khúc nhất định; tín dụng ngân hàng đối với lĩnh vực bất động sản theo hướng thắt chặt dần;

- Quá trình triển khai công tác cổ phần hóa mất nhiều thời gian và công sức đồng thời phát sinh tăng giá vốn hàng bán hiện có của Tổng công ty do việc xác định lại giá trị tiền sử dụng đất tại thời điểm xác định doanh nghiệp; một số quy định trong Nghị định 126/CP, Nghị định 167/CP về công tác cổ phần hóa chưa được hướng dẫn rõ ràng, có nhiều nội dung vướng mắc cần tháo gỡ khi tổ chức thực hiện, nhất là đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản như Tổng công ty.

#### **Chủ quan:**

- Khối lượng hàng tồn kho, chi phí dở dang trong đầu tư của Công ty mẹ Tổng công ty lớn; nhiều dự án đầu tư dàn trải trong thời gian trước tại các địa bàn xa, không có thị trường, không đủ điều kiện để kinh doanh; tiến độ của số dự án bị kéo dài làm tăng chi phí dẫn đến giá thành sản phẩm không phù hợp với thị trường;

- Nợ đọng trong kinh doanh nhà và hạ tầng của Công ty mẹ tại một số dự án, trong thi công xây lắp của một số Công ty con ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên;

- Nhiều tồn tại trong quá trình triển khai các dự án trước đây phải giải quyết khắc phục theo kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra tại Tổng công ty trong thời gian qua;

- Các dự án khả thi có thể thực hiện chuyển tiếp và quỹ đất để triển khai thực hiện năm nay và các năm tiếp theo trong KH 2016-2020 hạn hẹp trong khi việc nghiên cứu, phát triển các dự án mới rất khó khăn, kết quả đạt được còn hạn chế nhất là đối với các đơn vị thành viên;

- Quy mô vốn và dòng tiền của Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển các dự án phát triển đô thị và nhà ở; KH tài chính năm 2018 có lúc còn bị động;

- Một bộ phận cán bộ công nhân viên, kể cả những cán bộ quản lý còn chưa phát huy tinh thần trách nhiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, phát triển của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

## II. KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Năm 2019 là năm Tổng công ty, nhất là Công ty mẹ Tổng công ty cần tăng tốc, bứt phá để hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng, các chỉ tiêu tổng thể của KH 05 năm 2016-2020 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt, là năm Tổng công ty phải tiếp tục triển khai nhiều nội dung công việc trong công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng. Bên cạnh các thuận lợi, Hội đồng thành viên Tổng công ty xác định năm 2019 sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức tác động hoạt động của Tổng công ty. Nhu cầu đầu tư cho các dự án để kinh doanh năm 2019 và chuẩn bị cho giai đoạn dài hạn lớn nhưng nguồn lực của Tổng công ty còn hạn hẹp. Quản trị doanh nghiệp trong quá trình chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đòi hỏi phải có sự đổi mới mang tính hệ thống với tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên. Những tồn tại, bất cập nội tại của Tổng công ty cần phải tiếp tục phải khắc phục là những khó khăn, thách thức cần tháo gỡ, giải quyết để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019, Hội đồng thành viên Tổng công ty xác định phương châm hành động của năm là: **“Sáng tạo, hiệu quả, bứt phá”** để chỉ đạo, điều hành và triển khai hoạt động Tổng công ty năm 2019.

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2019:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	TỔNG CÔNG TY			CÔNG TY MẸ		
		TH 2018	KH 2019		TH 2018	KH 2019	
			KH	% so với TH 2018		Giá trị	% so với TH 2018
1	Giá trị SXKD	9.985	10.300	103%	2.310	2.831	123%
2	Giá trị đầu tư	3.482	3.500	101%	1.550	1.772	114%
3	Doanh thu	7.870	8.335	106%	1.400	1.500	107%
4	LN trước thuế	652	649	100%	170	180	106%
5	Nộp NSNN	698	814	117%	360	380	106%

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

## **2. Một số mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2019:**

2.1. Tập trung nguồn lực, triển khai các nhóm giải pháp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển với định hướng xuyên suốt là lấy phát triển đô thị và nhà ở là ngành nghề chính, là hoạt động trung tâm theo phương châm “đầu tư phù hợp với nhu cầu thị trường”, kết hợp với thi công xây lắp và một số ngành nghề có liên quan, đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo, thực hiện thắng lợi KHSXKD năm 2019 với các chỉ tiêu nêu trên.

2.2. Hoàn thiện, trình Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện. Trước mắt, xây dựng phương án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thoái vốn tại các Công ty HUD1, HUD2, HUD.VN, Công ty Tam Đảo theo nội dung chấp thuận chủ trương của Bộ Xây dựng, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

Tiếp tục phối hợp, bám sát, giải trình với các cơ quan có liên quan về công tác cổ phần hoá Công ty mẹ Tổng công ty và Công ty HUDS. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ thật sự khả thi, phù hợp với đặc thù hoạt động của Tổng công ty do tiến độ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2018 không thể đáp ứng thời gian yêu cầu theo quy định; hoàn thành công tác xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa của Công ty mẹ Tổng công ty và HUDS trình Bộ Xây dựng;

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành hệ thống quy trình quản trị nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần gắn với rà soát chức năng nhiệm vụ, định biên cán bộ các đơn vị thuộc Công ty mẹ Tổng công ty.

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, đề xuất, triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án mới của Công ty mẹ cũng như các đơn vị thành viên để chuẩn bị cho KH đầu tư các năm tiếp theo gắn với xây dựng kế hoạch tài chính và chuẩn bị các nguồn lực khác đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển và đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

2.4. Tiếp tục khắc phục các tồn tại về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, kinh doanh,... trong quá trình triển khai các dự án, hoàn thành các nghĩa vụ của Tổng công ty với Nhà nước theo các nội dung đã được các cơ quan có thẩm quyền nêu ra trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Tổng công ty.

2.5. Quan tâm đúng mức đến đời sống, thu nhập của CBCNV, người lao động và các hoạt động an sinh xã hội, các hoạt động Công đoàn, Đoàn thanh niên, các phong trào thi đua trong Tổng công ty và các đơn vị thành viên, nhất là trong giai đoạn tái cơ cấu Tổng công ty hiện nay, đi đôi với tăng cường công tác giám sát hoạt động của Hội đồng thành viên, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tạo hiệu ứng tích cực cho thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2018 và trình Bộ Xây dựng xem xét chấp thuận kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2019 của Tổng công ty với các nội dung trên.

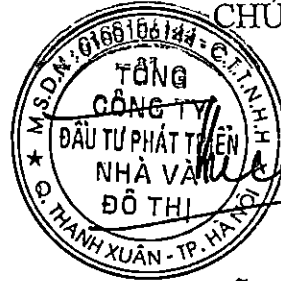
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc TCT;
- ĐT, TCKT, KD, XL;
- Lưu VT, KHTH;

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Hùng

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ**  
**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU**  
**ƯỚC THỰC HIỆN 2018, KẾ HOẠCH 2019**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TỔNG CÔNG TY				CÔNG TY MẸ				CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN						
		KH 2018 BXD	ƯỚC TH 2018		KẾ HOẠCH 2019		KH 2018 BXD	ƯỚC TH 2018		KẾ HOẠCH 2019		KH 2018 BXD	ƯỚC TH 2018		KẾ HOẠCH 2019	
			ƯỚC TH 2018	%NĂM BXD	GIÁ TRỊ	%ƯỚC TH 2018 BÁO CAO BXD		ƯỚC TH 2018	%NĂM BXD	GIÁ TRỊ	%ƯỚC TH 2018 BÁO CAO BXD		ƯỚC TH 2018	%NĂM BXD	GIÁ TRỊ	%ƯỚC TH 2018 BÁO CAO BXD
I	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	9.890	9.985	101%	10.300	103%	1.862	2.310	124%	2.831	123%	8.026	7.676	96%	7.469	97%
1	Giá trị xây lắp	2.460	2.064	84%	2.285	111%	212	149	70%	177	119%	2.248	1.915	85%	2.108	110%
2	Giá trị SXCN&VLXD	1.420	1.594	112%	1.536	96%						1.420	1.594	112%	1.536	96%
3	Giá trị tư vấn	75	79	106%	64	81%						75	79	106%	64	81%
4	Giá trị SXKD nhà và hạ tầng	4.713	4.951	105%	5.091	103%	1.650	2.161	131%	2.654	123%	3.063	2.790	91%	2.437	87%
5	Giá trị SXKD khác	1.221	1.297	106%	1.323	102%						1.221	1.297	106%	1.323	102%
II	<b>GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ</b>	3.490	3.482	100%	3.500	101%	1.271	1.550	122%	1.772	114%	2.223	1.932	87%	1.728	89%
1	ĐT các dự án phát triển nhà và khu đô thị	3.428	3.431	100%	3.438	100%	1.233	1.509	122%	1.734	115%	2.195	1.922	88%	1.704	89%
2	ĐT các dự án khu công nghiệp tập trung	10	11	103%	24	225%						10	11	110%	24	225%
4	ĐT các dự án mua sắm thiết bị thi công	18		0%								18				
5	ĐT vào các lĩnh vực khác	38	41	109%	38	93%	38	41	109%	38	93%	-				
III	<b>DOANH THU</b>	8.060	7.870	98%	8.335	106%	1.150	1.400	122%	1.500	107%	6.910	6.471	94%	6.835	106%
IV	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	625	652	104%	649	100%	166	170	102%	180	106%	459	482	105%	469	97%
V	<b>NỢP NSNN</b>	695	698	100%	814	117%	230	360	157%	380	106%	465	338	73%	434	128%

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ**  
**Phụ lục 1: CHI TIẾT KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
A+B	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD CỦA TCT</b>	<b>9.890.000</b>	<b>9.985.000</b>	<b>101%</b>
A	<b>CÔNG TY MẸ</b>	<b>1.862.000</b>	<b>2.310.000</b>	<b>124%</b>
B	<b>CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>	<b>8.026.000</b>	<b>7.676.000</b>	<b>96%</b>
1	<b>BAN QLDA SỐ 1</b>	<b>390.000</b>	<b>416.233</b>	<b>107%</b>
1.1	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>	<b>390.000</b>	<b>416.233</b>	<b>107%</b>
a1	Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc	240.000	34.360	
	- Căn hộ CC2 Văn Quán	240.000	34.360	
a2	Khu đô thị HUD Sơn Tây	150.000	381.873	
	- Kinh doanh đất ở	150.000	381.873	
2	<b>BAN QLDA SỐ 2</b>	<b>349.400</b>	<b>235.971</b>	<b>68%</b>
2.1	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>	<b>349.400</b>	<b>235.971</b>	<b>68%</b>
a1	Khu nhà ở DVTH hồ Linh Đàm	39.400	19.630	
	- Lãi bán đảo Linh Đàm (NO-VP2 và NO-VP4)	39.400	19.630	
	+ Căn hộ	30.000	19.630	
a2	Khu đô thị mới Đông Sơn - Thanh Hóa	51.000	35.086	
	- Kinh doanh hạ tầng	51.000	29.707	
	+ Biệt thự	29.000	29.707	
	- Kinh doanh nhà		5.379	
	+ Liên kề		5.379	
a3	Khu đô thị mới Bắc Hà Tĩnh	259.000	181.255	
	- Kinh doanh hạ tầng		90.295	
	+ Liên kề		61.703	
	+ Biệt thự		28.592	
	- Kinh doanh nhà	239.000	90.960	
	+ Liên kề		81.568	
	+ Biệt thự		9.392	
3	<b>BAN QLDA SỐ 11</b>	<b>90.500</b>	<b>98.925</b>	<b>109%</b>
3.1	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>	<b>90.500</b>	<b>98.925</b>	<b>109%</b>
a1	Khu đô thị mới Việt Hưng	90.500	98.925	
	- Công cộng CQ05	85.000	94.000	
	- CT04B - HH04+CT09	5.500	4.925	
4	<b>BAN QLDA SỐ 12</b>	<b>102.000</b>		
4.1	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>	<b>102.000</b>		
a1	HUD Mê Linh Central	102.000	-	
	- Chuyển giao hạ tầng lô BT6, BT*6, BT*7	83.000		
	- Nhà thu nhập thấp CT8	19.000	-	
5	<b>BAN QLDA HUD TOWER</b>	<b>200.000</b>	<b>32.864</b>	<b>16%</b>



TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
5.1	CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN	200.000	32.864	16%
a1	Dự án Toà nhà HUD TOWER	200.000	32.864	
	- Chuyển giao văn phòng	200.000	32.864	
6	VĂN PHÒNG TCT	5.500	6.271	114%
6.1	CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN	5.500	6.271	114%
a1	- Kinh doanh cho thuê văn phòng	5.500	6.271	
7	CHI NHÁNH MIỀN BẮC - TCT	82.500	66.303	80%
7.1	DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN	7.500	5.303	71%
a1	- Dịch vụ của Sàn GDBDS	7.500	5.303	
7.2	XÂY LẬP	75.000	61.000	81%
a1	- Xây lắp	75.000	61.000	
8	BAN QLDA SỐ 5	40.000	271.155	678%
8.1	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	120.000	271.155	226%
a1	Khu đô thị mới Phú Mỹ	40.000	271.155	
	- Kinh doanh hạ tầng	40.000	271.155	
9	BAN QLDA SỐ 6	80.000	630.056	788%
9.1	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	80.000	630.056	788%
a1	HUD Buiding Nha Trang	80.000	630.056	
	- Căn hộ	80.000	630.056	
10	BAN QLDA SỐ 8	65.000	-	0%
10.1	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	65.000	-	0%
a1	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	65.000	-	
	- Kinh doanh hạ tầng	50.000	-	
	- Nhà ở thấp tầng	15.000	-	
11	BAN QLDA SỐ 9	308.600	449.731	146%
10.1	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	308.600	449.731	146%
a1	Khu đô thị mới Đông Tăng Long	308.600	449.731	
	- Chuyển giao hạ tầng	79.000	109.700	
	+ Khu vực Vina Phước Điền	79.000	109.700	
	- Kinh doanh nhà ở thấp tầng	229.600	-	
	+ Kinh doanh SP hình thành trong tương lai	64.000	-	
	+ Kinh doanh phần còn lại KV2-1	165.600	-	
	- Chuyển nhượng một phần DA (KV 3-1)		340.031	
	- Kinh doanh cao tầng			
12	CHI NHÁNH MIỀN NAM - TCT	148.264	102.442	69%
11.1	CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN	9.000	9.142	102%
a1	- Kinh doanh cho thuê VP 159 Điện Biên Phủ	9.000	9.142	
11	DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN	2.500	5.300	212%
a1	- Dịch vụ của Sàn GDBDS	2.500	5.300	
11	XÂY LẬP	136.764	88.000	64%
a1	- Xây lắp	136.764	88.000	

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>	<b>8.028.000</b>	<b>7.676.000</b>	<b>96%</b>
<b>1</b>	<b>C.TY CP.ĐTXD HUD1</b>	<b>850.000</b>	<b>961.056</b>	<b>113%</b>
1.1	Xây lắp	450.000	561.056	125%
	- Các công trình trong DA Tổng công ty		-	
	- Công trình tự tìm kiếm	450.000	561.056	
1.2	Kinh doanh	400.000	400.000	100%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	400.000	400.000	
al	Dự án 176 Định Công	400.000	400.000	
	- Kinh doanh nhà cao tầng	400.000	400.000	
<b>2</b>	<b>C.TY CP.ĐTPT NHÀ HUD2</b>	<b>294.565</b>	<b>37.433</b>	<b>13%</b>
2.1	Xây lắp	44.000	13.176	30%
2.2	Kinh doanh	250.565	24.257	10%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	195.015	24.061	
b	Giá trị SXCN&VLXD	55.000		
b	Kinh doanh khác (DV NOXH Thái Bình)	550	196	
<b>3</b>	<b>C.TY CP.ĐTXD HUD3</b>	<b>801.000</b>	<b>823.237</b>	<b>103%</b>
3.1	Xây lắp	530.000	649.445	123%
	- Các công trình trong DA Tổng công ty	16.000	34.366	
	- Công trình tự đầu tư	151.600	125.050	
	- Công trình tự tìm kiếm	362.400	490.029	
3.2	Kinh doanh	271.000	173.792	64%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	265.000	168.262	
al	Dự án Hanel - HUD3	265.000	168.262	
	- Kinh doanh nhà cao tầng	265.000	168.262	
b	Tư vấn thiết kế	2.000	1.200	
c	Khác	4.000	4.330	
<b>4</b>	<b>C.TY CP.ĐTXD HUD4</b>	<b>510.000</b>	<b>389.445</b>	<b>76%</b>
4.1	Xây lắp	319.050	121.481	38%
4.2	Kinh doanh	190.950	267.964	140%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	173.000	259.934	
al	Dự án Sông Đơ Sầm Sơn	54.000	106.003	
a2	Chung cư thương mại phường Phú Sơn	39.000	27.565	
	- Nhà cao tầng	39.000	27.565	
a3	Dự án TNT lô C5	80.000	98.718	
a4	Khu Công nghiệp Bim Sơn		7.648	
a5	Khu phố 6, TX Bim Sơn		10.000	
a6	Kiot Thu nhập thấp Phú Sơn		10.000	
b	Kinh doanh VLXD	13.500	3.495	
	- Vật liệu xây dựng	13.500	3.495	
c	Kinh doanh dịch vụ	4.450	4535	
<b>5</b>	<b>C.TY CPĐT &amp; PT BDS HUD LAND</b>	<b>637.000</b>	<b>682.920</b>	<b>107%</b>
5.1	Kinh doanh	637.000	682.920	107%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	637.000	682.920	

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
a1	Dự án Việt Hưng	45.990	12.655	
	- Kinh doanh nhà cao tầng CT17	45.990	12.655	
a2	Dự án Khu ĐTM Lê Thái Tổ - Bắc Ninh	587.347	650.699	
	- Kinh doanh nhà TNT Bắc Ninh	145.640	108.000	
	- Kinh doanh nhà ở khu B - Bắc Ninh	441.707	542.699	
a3	Dự án CC7	3.663	19.566	
6	C.TY CP ĐTP.T NHÀ & Đ.T HUD6	145.000	109.000	75%
6.1	Kinh doanh	145.000	109.000	75%
a	Kinh doanh dịch vụ thương mại	5.000	4.500	
b	Kinh doanh nhà và hạ tầng	140.000	104.500	
b1	Dự án LK26,LK28,BT1 ĐTM Đông Sơn	75.000	43.500	
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	75.000	43.500	
b2	Dự án D2 CT2 Tây Nam Linh Đàm	65.000	61.000	
	- Kinh doanh nhà cao tầng	65.000	61.000	
7	C.TY CP ĐTP.T ĐÔ THỊ HUD8	155.000	159.000	103%
7.1	Kinh doanh	155.000	159.000	103%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	155.000	159.000	
1	Dự án Xuân Phương Garden	105.000	159.000	
2	Dự án Mai Trai	50.000	-	
7.2	Tư vấn		-	
8	C.TY CP ĐTP.T NHÀ & Đ.T HUD SÀI GÒN	110.000	63.780	58%
8.1	Xây lắp	58.000	62.110	107%
	- Các công trình trong DA Tổng công ty	37.000	62.110	
	- Công trình tự tìm kiếm	21.000	-	
8.2	Kinh doanh	44.500	1.520	3%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	1.500	1.520	
a1	Khu dân cư Phước An (135ha)	1.500	1.520	
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	1.500	1.520	
a2	Khu dân cư Đông Tăng Long	43.000	-	
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	43.000	-	
8.3	Tư vấn	7.500	150	
9	C.TY CP Đ.T NHÀ XÃ HỘI HUD.VN	197.000	105.600	54%
9.1	Xây lắp	60.000	29.600	49%
9.1	Kinh doanh	137.000	76.000	55%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	137.000	76.000	
	- Nhà ở cao tầng CT2- A1	13.000	13.000	
	- Dự án LK 29 Đông Sơn - Thanh Hóa	55.000	33.000	
	- Dự án LKV-13 và LKV- 20B Khu đô thị HUD Sơn Tây	69.000	30.000	
10	C.TY CP Đ.T PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NHÀ TRANG	245.000	306.809	125%
10.1	Xây lắp	65.000	80.678	124%
10.1	Kinh doanh	176.500	225.942	128%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	176.500	225.942	
a1	Dự án Khu đô thị mới Phước Long	30.000	-	

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Kinh doanh đất và xây thô nhà thấp tầng	30.000	-	
a3	<b>Dự án Nhà ở xã hội</b>	146.500	225.942	
	- Căn hộ chung cư	115.500	225.942	
	- Nhà ở thấp tầng	31.000		
10.1	Tư vấn	3.500	189	5%
11	<b>C. TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN HUDS</b>	498.951	310.550	62%
11.1	Xây lắp	107.669	18.406	17%
11.2	Kinh doanh	391.282	292.144	75%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	155.000	0	
b	Kinh doanh khác	236.282	292.144	
	- Quản lý đô thị	91.604	107.573	
	- Kinh doanh dịch vụ	144.678	184.571	
12	<b>C. TY CP ĐTPT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD SE</b>	102.932	73.620	72%
12.1	Xây lắp	51.725	37.944	73%
12.1	Kinh doanh	51.207	35.676	70%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	51.207	18.153	
a2	<b>Dự án Bắc Hà Tĩnh</b>	51.207	18.153	
	- Kinh doanh nhà thấp tầng LK2,LK4	51.207	18.153	
b	Tư vấn		111	
b	Kinh doanh VLXD		17.412	
13	<b>C. TY TNHH ĐT PT NHÀ KIÊN GIANG</b>	3.023.100	3.279.577	108%
13.1	Giá trị tư vấn	49.500	62.638	127%
	+ Công ty liên kết	49.500	62.638	
13.2	Kinh doanh nhà và hạ tầng	361.000	459.032	127%
	+ Công ty con	11.000	11.410	
	+ Công ty liên kết	350.000	447.622	
13.3	Xây lắp	400.000	341.515	85%
	+ Công ty mẹ	120.000	68.355	
	+ Công ty con	170.000	127.273	
	+ Công ty liên kết	110.000	145.887	
13.4	Sản xuất công nghiệp	1.438.600	1.607.401	112%
	+ Công ty mẹ	14.300	16.825	
	+ Công ty con	1.268.900	1.407.836	
	+ Công ty liên kết	155.400	182.740	
13.5	Kinh doanh khác	774.000	808.991	105%
	+ Công ty mẹ	500	695	
	+ Công ty con	668.500	720.248	
	+ Công ty liên kết	105.000	88.048	
14	<b>C. TY CP ĐẦU TƯ XD ĐÔ THỊ UIC</b>	127.500	76.000	60%
14.1	Xây lắp	85.000	57.000	67%
14.2	Kinh doanh	42.500	19.000	45%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	42.500	19.000	
a2	<b>Dự án khu dân cư Bắc đường Nguyễn Huệ</b>	42.500	19.000	
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	42.500	19.000	

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2018 BXD	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
15	<b>C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD 10</b>	<b>135.200</b>	<b>142.100</b>	<b>105%</b>
15.1	Xây lắp	86.000	70.600	82%
	- Các công trình trong DA Tổng công ty	35.000	36.100	
	- Công trình tự tìm kiếm	51.000	34.500	
15.2	Kinh doanh	49.200	71.500	
b	Kinh doanh khác	49.200	71.500	
	- Kinh doanh khác	44.000	66.500	
	- Dịch vụ cho thuê tài sản	5.200	5.000	
16	<b>C.TY CP ĐẦU TƯ TAM ĐẢO</b>	<b>180.478</b>	<b>140.870</b>	<b>78%</b>
16.1	Kinh doanh	180.478	140.870	78%
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	35.250	2.223	
b	Kinh doanh dịch vụ	145.228	138.647	
	- Thẻ hội viên	40.085	34.787	
	- Dịch vụ Golf	105.143	103.860	
17	<b>C.TY CP TƯ VẤN DT VÀ XÂY DỰNG HUD CIC</b>	<b>15.000</b>	<b>15.035</b>	<b>100%</b>
17.1	Kinh doanh	15.000	15.035	100%
	- Tư vấn thiết kế	15.000	15.035	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Phụ lục 2: CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	<i>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY</i>	3.490.000	3.482.000	100%
	<i>CÔNG TY MẸ</i>	1.270.690	1.550.000	122%
	<i>CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN</i>	2.222.648	1.932.000	87%
	<b>CÔNG TY MẸ</b>	1.270.690	1.550.000	122%
<b>A</b>	<b>CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>1.058.236</b>	<b>1.505.204</b>	<b>142%</b>
A1	<b>BAN QLDA SỐ 1</b>	159.136	100.563	63%
I	<b>KHU ĐTM VĂN QUÁN - YÊN PHÚC (62HA)</b>	8.350	680	
1	<i>Chuẩn bị đầu tư (dự án CC 2A)</i>	-	-	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	8.350	680	
2.1	<i>Đầu tư xây dựng các công trình công cộng</i>	8.350	680	
	- Duy trì cây xanh, VSMT, bảo vệ dự án	350	680	
	- Khảo sát, thi công HTKT bàn giao cho địa phương	3.000	-	
	- Thi công bàn giao Cầu lạc bộ Văn Quán cho địa phương	5.000	-	
II	<b>KHU THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ Ở LỘ CC2 - VĂN QUÁN</b>	42.566	19.772	
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	3.266	3.066	
	- Chi phí kiểm toán	200	-	
	- Quan trắc công trình	66	66	
	- Chi phí quản lý vận hành tòa nhà	1.000	1.000	
	- Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.000	2.000	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	24.300	16.706	
	- Thi công phần điện nước M&E, PCCC	5.000	8.006	
	+ Thi công bổ xung tầng áp buồng thang PCCC	5.000	8.006	
	- Thi công phần kiến trúc	19.100	8.700	
	+ Thi công bổ sung, KLPS gói thầu tường, vách kính (vách kính tầng 7, má cửa thang máy, vách nhôm kính từ tầng 2 đến mái)	2.500	2.500	
	+ Bổ sung lan can trong căn hộ	2.200	1.000	
	+ Thi công hoàn thiện 147 căn hộ còn lại chưa kinh doanh + tầng 7	14.000	3.500	
	+ Thi công bổ sung hệ thống camera tầng hầm và hệ thống Barie thông minh, cấp thoát nước phòng rác	400	400	
	+ Sơn nền tầng hầm		1.100	
	- Thi công sân vườn	200	200	
3	<i>Hoàn thiện khối VP</i>	15.000	-	
III	<b>KHU ĐÔ THỊ MỚI MỸ ĐÌNH II - HH CCI</b>	300	6.453	
1	<i>Tiền GPMB và SDD</i>	-	6.000	
	- Tiền thuê đất/ tiền SDD		6.000	
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	300	350	
	- Khảo sát hiện trạng tỷ lệ 1/500	100	150	
	- Lập quy hoạch TMB & PAKT	200	200	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	-	103	
	- Chi phí bảo vệ dự án		103	
IV	<b>KHU ĐT MỚI NAM AN KHANH (34HA)</b>	3.670	120	
1	<i>Tiền GPMB và SDD</i>	500	-	
	- Lập bản đồ đất thừa phục vụ GPMB	500	-	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	3.170	120	
	+ <i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật</i>	3.170	120	
	- Thăm định quy hoạch lần 3	50	-	
	- KSDC lập dự án đầu tư	370	-	
	- KSDC thiết kế BVTC	200	-	
	- Lập mô hình	250	-	
	- Lập DADT theo quy hoạch ĐC lần 3	500	-	
	- Lập báo cáo đánh giá tác động MT	200	-	
	- Thiết kế BVTC	1.000	-	
	- Thăm tra hiệu quả và tính khả thi của DA	100	-	
	- Chi phí QLDA	500	120	
V	<b>KHU ĐÔ THỊ HUD SƠN TÂY</b>	<b>104.250</b>	<b>73.538</b>	<b>71%</b>
1	<i>Tiền GPMB và SDD</i>	15.580	14.780	
	- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	15.000	14.200	
	- Tiền thuê đất lô HH-1	580	580	
2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	1.270	750	
2.1	<i>Công trình hạ tầng kỹ thuật</i>	370	200	
	-TKBVTC công viên cây xanh, bãi đỗ xe	15	-	
	-Thăm tra TKBVTC công viên cây xanh, bãi đỗ xe	5	-	
	-Lập DA ĐT Trạm xử lý nước thải	100	100	
	-TKBVTC Trạm xử lý nước thải	150	-	
	-Thăm tra TKBVTC Trạm xử lý nước thải	100	-	
	- Đo đạc chuyển tọa độ từ bản vẽ và cắm mốc bàn giao ngoài thực địa		100	
2.2	<i>Nhà thấp tầng</i>	900	550	
	-Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán nhà ở thấp tầng	750	400	
	+ <i>Thiết kế BVTC, DT 11 lô LKV01-11 - Khu 1</i>	750	400	
	- Thăm tra TKBVTC nhà ở thấp tầng	150	150	
	+ <i>Thăm tra TK BVTC, DT 11 lô LKV01-11 - Khu 1</i>	150	150	
3	<i>Chi phí khác</i>	2.400	1.758	
	- Hàng mục cảnh quan dự án phục vụ kinh doanh - GĐ1	500	467	
	- Duy trì VSMT, chăm sóc cây xanh	300	300	
	- Bảo vệ dự án	1.500	909	
	- Quan trắc, giám sát môi trường	100	82	
4	<i>Chi phí quản lý dự án</i>	500	360	
5	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	84.500	55.890	
5.1	<i>- Xây dựng HTKT</i>	21.400	34.640	
	- Gói thầu số 19A (Trồng cây xanh 2 bên đường - GĐ1)	2.000	3.500	
	- Gói thầu số 19B (Trồng cây xanh 2 bên đường - GĐ2)	1.800	-	
	- Gói thầu số 19 (Trồng cây xanh 2 bên đường - GĐ3)	1.200	-	
	- Gói thầu số 04A (San nền đường GT giai đoạn 1, TNM, TNT) hai bên đường tuyến 35m - Phần còn lại		3.000	
	- Gói thầu số 05 (San nền đường Gt giai đoạn 1, TNM, TNT)		6.500	
	- Gói thầu số 08A (Cấp điện trung thế và TBA nhánh MT+NP)	10.000	10.000	
	- Gói thầu số 10 (Cấp điện hạ thế 0,4kv và các tủ điện nhánh MT+NP)	1.000	2.500	
	- Gói thầu số 12 (Cấp nước phân phối phần 2 nhánh MT+NP)	600	1.360	
	- Gói thầu số 14 (Cấp nước dịch vụ phần 2 nhánh MT+NP)	600	-	
	- Gói thầu số 16A (chiếu sáng phần 2 nhánh MT+NP)	1.000	2.150	
	- Gói thầu số 17 (Thoát nước thải phần 2 tuyến 35 - Hai bên đường)		530	
	- Gói thầu số 18A (Thoát nước thải phần 2 nhánh MT )	1.000	3.500	
	- Gói thầu số 20 (Công viên cây xanh và Bãi đỗ xe)	2.000	-	
	- Gói thầu số 21 (Tư vấn lập HSMT & đánh giá HSDT)	200	200	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Gói thầu số bổ xung (Lát hè đường tuyến 35m)		1.000	
	- Thi công tu bổ bổ xung		350	
	- Gói thầu số 22A (Tư vấn giám sát)		50	
5,2	<b>Xây dựng công trình</b>	62.800	21.100	
	Xây thô - Hoàn thiện mặt ngoài nhà liền kề LKV- 12	14.500	500	
	Xây thô - Hoàn thiện mặt ngoài nhà liền kề LKV- 14	7.300	6.300	
	Xây thô - Hoàn thiện mặt ngoài nhà liền kề LKV- 17	11.000	2.500	
	Xây thô - Hoàn thiện mặt ngoài nhà liền kề LKV- 18	16.000	1.100	
	Xây thô - Hoàn thiện mặt ngoài nhà liền kề LKV- 19 B	14.000	10.700	
5,3	<b>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu thi công nhà ở liền kề LKV</b>	300	150	
<b>VII DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG 2,5 ĐINH CÔNG</b>				
1	<b>Đền bù GPMB; tiền sử dụng đất</b>			
2	<b>Phần Thi công xây dựng. Chi phí khác</b>			
JA2	<b>BAN QLDA SỐ 2</b>	69.650	43.579	63%
1	<b>KHU D. VỤ TH &amp; NHÀ Ở HỒ LĨNH ĐAM (184HA)</b>	15.700	2.430	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	7.500	-	
	- Đền bù tuyến B kéo dài	7.500	-	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.600	1.130	
	-TK và lập DT di chuyển và XD hệ thống thông tin đường Nguyễn Hữu Thọ	300		
	-TK và lập DT di chuyển và XD hệ thống điện hạ thế đường Nguyễn Hữu Thọ	200		
	- Khảo sát, thiết kế đầu nối ra đường Giải Phóng	500		
	-TK + T/tra hạng mục đường hè tuyến B kéo dài (cạnh nhà văn hóa)	50	150	
	-TK + T/tra hạng mục đường hè tuyến B kéo dài (thông ra đg Linh Đường)	50	180	
	- Điều chỉnh QH, thiết kế hạ tầng khu C7	500	700	
	- Lô đất CC6B		100	
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	6.600	1.300	
	+ Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật	6.000	-	
	- Thi công hoàn thiện tuyến B kéo dài (cạnh nhà văn hóa)	3.000		
	- Thi công đường hè tuyến B kéo dài đoạn thông ra đường Linh Đường	3.000		
	+ Đầu tư khác	600	1.300	
	- Kiểm toán dự án		700	
	- Bảo vệ dự án	600	600	
II	<b>KHU ĐTM PHÁP VÂN - TỬ HIỆP (50,4HA)</b>	4.700	3.100	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	-	-	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	100	300	
	- Lập Báo cáo KTKT, thẩm tra TK và DT các lô CX tập trung còn lại	100	150	
	- Khảo sát, lập QH tổng mặt bằng lô đất III.15.2 (Trường học)		-	
	- Khảo sát, lập QH tổng mặt bằng lô đất III.16.1 (Trường học)		150	
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	4.600	2.800	
3,1	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	4.000	1.000	
	- Hệ thống chiếu sáng phần còn lại	1.000	-	
	- Công viên cây xanh	3.000	1.000	
3,2	<b>Chi phí khác</b>	600	1.800	
	- Bảo vệ dự án	600	600	
	- Kiểm toán dự án		1.200	
III	<b>KHU ĐO THỊ MỚI ĐÔNG SƠN - THANH HOÀ</b>	41.750	31.420	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	4.500	1.600	
	- Hỗ trợ tái định cư	4.500	1.600	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	700	350	



TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Khảo sát địa chất, lập dự án, TK và thẩm tra Trung tâm thương mại		0	
	- Khảo sát, điều chỉnh thiết kế trạm xử lý nước thải	500	150	
	- Lập BC KTKT, TK, DT CXCL dọc đường sắt Bắc Nam và kênh nhà Lê		0	
	- Lập BC KTKT, thẩm tra di chuyển đường dây hạ thế còn lại	200	200	
<b>3</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>36.550</b>	<b>29.470</b>	
<b>3,1</b>	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>30.550</b>	<b>23.900</b>	
	- Cấp điện còn lại phần hạ thế sau TBA7,8 và sau TBA1; Cấp liên lạc 4,5,6,7,8	2.800	450	
	- Gói thầu 22: HTKT còn lại (San nền, TNM, GT)	3.000	0	
	- Chiều sáng còn lại	3.800	0	
	- Phá dỡ điểm 3, 4, 5 phục vụ GPMB'	450	950	
	- Thi công hạ tầng điểm 3,4,5	7.000	16.000	
	- Sơn kẻ biển, tổ chức giao thông	1.000	1.500	
	- Thi công các lô cây xanh tập trung và cây xanh cách ly	4.000	5.000	
	- Chi phí sửa chữa HT, thu dọn vệ sinh, bàn giao cho địa phương	5.000	0	
	- Trạm xử lý nước thải (Phần cọc, móng)	3.500		
<b>3,2</b>	<b>Đầu tư xây dựng nhà thấp tầng</b>	<b>4.000</b>	<b>4.500</b>	
	- XL nhà thấp tầng LK23	4.000	4.500	
<b>3,3</b>	<b>Đầu tư xây dựng TT Thương mại</b>		-	
<b>3,4</b>	<b>Đầu tư khác</b>	<b>2.000</b>	<b>1.070</b>	
	- Bảo vệ dự án	1.000	850	
	- Vệ sinh môi trường	400	-	
	- Duy trì chăm sóc cây xanh	600	-	
	- Kiểm toán dự án		220	
<b>V</b>	<b>DỰ ÁN ĐÔNG BẮC GA THANH HOÁ</b>	<b>2.300</b>	<b>2.760</b>	
<b>1</b>	<b>Tiền GPMB, tiền sử dụng đất</b>	-	-	
<b>2</b>	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>2.300</b>	<b>2.760</b>	
	- Hoàn thiện HTKT tuyến 7,11,14	2.300	2.540	
	- Kiểm toán dự án		220	
<b>IV</b>	<b>KHU ĐÔ THỊ MỚI CHÂU SƠN - HÀ NAM (36HA)</b>	<b>2.170</b>	<b>2.470</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	-	-	
<b>2</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>2.170</b>	<b>2.470</b>	
<b>2,1</b>	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>1.770</b>	<b>1.830</b>	
	- Trồng bổ sung cây xanh trục đường phục vụ bàn giao	1.000	1.050	
	- Trồng bổ sung cây xanh công viên phục vụ bàn giao		60	
	- Thi công CX-TDĐT tại vị trí Nhà điều hành	600	600	
	- Phá dỡ trụ sở Ban điều hành và thực hiện đầu tư lô CXTDĐT	170	120	
<b>2,2</b>	<b>Đầu tư khác</b>	<b>400</b>	<b>640</b>	
	- Bảo vệ dự án	400	340	
	- Kiểm toán dự án		300	
<b>VIII</b>	<b>DỰ ÁN CHUNG CƯ VP2&amp;VP4</b>		<b>579</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>		<b>179</b>	
	- Thiết kế, thẩm tra mái sảnh và vách kính khu thương mại tầng 1		179	
<b>2</b>	<b>Đầu tư xây dựng HTKT</b>		<b>400</b>	
	- Kiểm toán dự án		400	
<b>VI</b>	<b>KHU DC 9, IHA KHU ĐT BẮC TP. HÀ TĨNH</b>	<b>3.030</b>	<b>820</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>600</b>	-	
	- Cọc thí nghiệm + hàng rào	600	-	
	- Quan trắc giám sát môi trường 2018		50	
<b>2</b>	<b>Đầu tư xây dựng HTKT</b>	<b>2.430</b>	<b>820</b>	
	- Tổ chức giao thông	90	180	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Chi phí kiểm toán	1.000	0	
	- Thiết kế di chuyển và xây trạm biến áp 320kv và thăm tra	840	40	
	-- Công tác bảo vệ dự án	500	600	
<b>A3</b>	<b>BAN QLDA SỐ 11</b>	<b>55.460</b>	<b>24.850</b>	<b>45%</b>
	<b>KHU ĐO THỊ MỚI VIỆT HƯNG (210HA)</b>	<b>55.260</b>	<b>24.650</b>	
<b>1</b>	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	<b>10.560</b>	<b>560</b>	
	- Di chuyển mộ nghĩa trang Quán Tỉnh	500	500	
	- GPMB tuyến 5 và 1 phần tuyến 2B phục vụ thi công lô CV-01	10.000		
	- GPMB khu tái lấn chiếm lô CT-09	60	60	
<b>2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>4.280</b>	<b>2.920</b>	
	* Điều chỉnh QH và DADT Việt Hưng	-	-	
	- Lập DADT điều chỉnh Khu ĐT Việt Hưng	30	250	
	- Thiết kế HTKT trong Khu vực Diêm Gổ (tuyến 4, 5, 2B)	200	160	
	- Thăm tra TK, dự toán HTKT trong Khu vực Diêm Gổ (tuyến 4, 5, 2B)	40	-	
	- Khảo sát địa hình CV-01	250	170	
	- Lập BC KTKT, thiết kế lô CV-01	150	-	
	- Thăm tra TK, DT lô CV-01	20	-	
	* Dự án CCKO	-	-	
	- Khảo sát ĐC lô CCKO	500	450	
	- Lập dự án đầu tư lô CCKO	1.000	1.650	
	- TKBVTC, dự toán HTKT và công trình lô CCKO	1.000		
	- TKBVTC, dự toán HTKT và công trình lô CCKO (Bổ xung)			
	- Thăm tra TKBVTC, dự toán HTKT và công trình lô CCKO	200		
	- Thiết kế điều chỉnh mạng điện trung thế, hạ thế lô CCKO	150	220	
	- Thăm tra TK điều chỉnh mạng điện trung thế, hạ thế lô CCKO	20	20	
	* Các công việc khác	-	-	
	- Lập QH tổng mặt bằng lô CQ-05	40	-	
	- Điều chỉnh QHTMB lô CC-04A	40	-	
	Khảo sát địa chất CC-04A	300	-	
	TKBVTC, dự toán XDCT lô CC-04A	300	-	
	- Điều chỉnh QHTMB lô HH-01	40	-	
<b>3</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>40.420</b>	<b>21.170</b>	
<b>3.1</b>	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>32.920</b>	<b>21.170</b>	
	- Đầu tư XD tuyến 5 và 1 phần tuyến 2B (phục vụ thi công lô CV-01)	7.300	-	
	- Đầu tư xây dựng lô CV-01	9.500	-	
	- Đầu tư xây dựng phần còn lại của tuyến 4	4.100	-	
	- Tuyến cáp ngầm 22kV và TBA T9, T11 (cấp cho HH-01; CQ-05, Trụ sở Ban 11)	7.000	11.320	
	- Tuyến cáp ngầm 22kV và TBA T9 N32A đ/ chỉnh (cấp điện cho lô CT21B)		4.120	
	- Cây xanh tuyến Vạn Hạnh (khu vực xưởng Cầu 5)	500	100	
	- Hệ thống cấp nước phần còn lại (đã có mặt bằng)	200	920	
	- Hàng rào lô đất CC-04A	450	390	
	- Hàng rào lô đất CCKO	560	510	
	- Lát hè các tuyến quanh lô HH-01 và CQ-05 (đối diện DA Giãn dân Phố cổ)	500	1.810	
	- Thanh thải hệ thống TNM, TNT phục vụ Trạm xử lý nước thải lô CV-02	450	-	
	- Bổ sung hệ thống quan trắc nước thải lô CV-02	1.800	400	
	- Gói thầu A5: Tổ chức giao thông tuyến A	160	650	
	- Gói thầu 29: San nền Ô số 15 (Dọn dẹp, vệ sinh và di chuyển vỏ mộ)	400		
	- Đầu tư các lô cây CX cách ly (BX kế hoạch để bàn giao cho Q. Long Biên)		950	
<b>3.2</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>7.500</b>		
	- Cọc TN lô CCKO	1.500	-	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Cọc đại trà I8 CCKO	6.000	-	
II	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI GIANG BIÊN (10HA)	100	100	
1	Tiền GPMB và SDD	-	-	
2	Chuẩn bị đầu tư	100	100	
	- Tư vấn khác	100	100	
III	DỰ ÁN KHU ĐTM PHỐ NỘI - HƯNG YÊN	100	100	
1	Chuẩn bị đầu tư	100	100	
	- Khảo sát địa hình	100	100	
A4	BAN QLDA SỐ 12	145.800	18.260	13%
1	KHU ĐTM THANH LÂM-ĐẠI THỊNH II (55,38 HA)	145.800	18.260	
1	Tiền GPMB và SDD	120.000	-	
	- Tiền sử dụng đất	120.000	-	
2	Chuẩn bị đầu tư			
2.1	Hạ tầng kỹ thuật			
	- Thiết kế HTKT	320	100	
	- Thăm tra thiết kế, dự toán	100	-	
2.2	Nhà ở thu nhập thấp			
	- Thiết kế nhà ở thu nhập thấp	2.000	2.000	
	- Thăm tra thiết kế, dự toán	250	100	
	- Thiết kế BVTC hàng rào CT-08A		15	
	- Khoan KSDC bổ xung nhà CT-08A		300	
2.3	Dự án thành phần phân bổ vào dự án HTKT			
	- Thiết kế BVTC trạm cấp nước	435	-	
	- Thăm tra thiết kế, dự toán I8 CX -08, trạm cấp nước	60	-	
2.4	Nhà ở thấp tầng			
	- Khảo sát địa chất GĐ1		500	
	- Lập dự án đầu tư GĐ1		500	
3	Đầu tư xây dựng công trình	23.800	16.260	
	- San nền, đường GT, TNM (SN1, CX-02, CX-03, GT5,6,9,10	3.000	6.700	
	- Thi công hệ thống thoát nước thải	4.000	5.600	
	- Thi công hệ thống cấp nước	3.000	3.960	
	- Cấp điện Trạm biến áp và đường dây	2.000	-	
	- Điện chiếu sáng	2.800	-	
	- Xây dựng nhà ở xã hội	9.000	-	
4	Chi phí khác	2.000	2.000	
A5	BAN QLDA HUDTOWER	37.622	40.919	109%
1	Đầu tư xây dựng công trình	20.853	23.550	
	- Tầng hầm (kết cấu + hoàn thiện)	889	-	
	- Hoàn thiện phần thân công trình	2.860	2.000	
	- CP xây dựng HTKT ngoài nhà, sân vườn tầng trệt và sảnh, phân tách hệ thống kỹ thuật khối 27 tầng	17.104	2.500	
	- Hoàn thiện phần sảnh thang máy và khu vực công cộng khối 32 tầng		15.430	
	- Hoàn thiện đồng bộ 4 tầng khối 32 tầng (tầng 21 đến 24)		3.620	
2	Chi phí thiết bị	15.595	15.595	
	- Lắp đặt thiết bị	15.595	15.595	
3	Tư vấn giám sát	174	364	
	Phần xây dựng	135	324	
	- Kiến trúc (bao gồm cả kiến trúc phần thân, sân vườn, tầng hầm	40	40	
	- Cơ điện và PCCC	96	96	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- TVGS xây dựng hoàn thiện sảnh thang máy, khu vực công cộng khối 32 tầng và hoàn thiện đồng bộ 4 tầng ( 21 đến 24 của khối 32 tầng)		188	
	<i>Phần thiết bị</i>	39	40	
	- Lắp đặt thiết bị	39	40	
4	<i>Chi phí QLDA</i>	500	510	
5	<i>Chi phí khác</i>	500	900	
	- Chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư...	300	710	
	- Đánh giá tác động môi trường, QLDA, lập định mức, đơn giá...	200	190	
A6	<b>BAN QLDA SỐ 5</b>	90.830	591.112	651%
I	<b>KDTM PHÚ MỸ, QUẢNG NGÃI (170HA)</b>	90.830	591.112	
1	<i>Đền bù GPMB, tiền sử dụng đất, hoàn trả hạ tầng</i>	2.000	514.900	
	- Đền bù GPMB	2.000	-	
	- Tiền sử dụng đất		514.900	
2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	2.120	1.728	
	+ <i>Triển khai các gói thầu chuyển tiếp từ năm 2017 sang 2018</i>	1.260	1.390	
	Cắm mốc phân lô đợt 2	340	340	
	Thiết kế hệ thống điện 0,4kV và thẩm tra	200	330	
	Lập điều chỉnh dự án	410	410	
	Tư vấn thiết kế Văn phòng Ban quản lý và thẩm tra	150	150	
	Thiết kế công chào dự án	160	160	
	+ <i>Các hạng mục triển khai mới</i>	860	338	
	Quản trắc môi trường định kỳ năm 2018	60	28	
	TK hệ thống HTKT cho các tuyến đường giữa lô LK-04 và LK-21; giữa lô BT-12A và CX-17 theo QHDC được duyệt (bao gồm GT-TNM-TNT-CB-CS-CX ...) và thẩm tra	400	-	
	Thiết kế BVTC và dự toán các lô cây xanh còn lại thuộc 37ha đang hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật (CX-01, CX-02, CX-03, CX-04, CX-14) và thẩm tra	300	10	
	Lưới không chế thi công cấp I (bổ sung)	100	100	
	Điều chỉnh tuyến phố thương mại trung tâm		200	
3	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	85.210	52.390	
	+ <i>Các gói thầu hoàn thiện HTKT đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chuyển tiếp từ năm 2017 sang 2018 (QĐ số 645/QĐ-HĐTV ngày 12/9/2017)</i>	71.710	52.390	
	Thâm nhựt phạm vi 16ha (GT-01/17)	16.000	16.000	
	Giao thông lát hè và thoát nước thải (GT-TNT-01/17)	15.980	15.980	
	Cấp điện và điện chiếu sáng (TBA-CS-01/17)	6.300	6.300	
	Cấp điện sinh hoạt 0,4kV (CB-01/17)	18.000	-	
	Cấp nước (CN-01/17)	2.300	2.300	
	Cây xanh (CX-01/17)	1.850	1.850	
	Thi công Văn phòng Ban quản lý (VPBQL-01/17)	3.600	-	
	Thi công công chào dự án (CC-01/17)	4.400	-	
	Thi công mở giải phân cách tuyến NI và Quốc lộ 1	400	400	
	Hoàn thành bộ phận kỹ thuật Lô LK*-02 và LK*-02 (HTBP-01/17)	2.880	2.880	
	Lát hè + 1 phần thoát nước thải (phạm vi 12ha thuộc 37ha GĐ1)		6.680	
	+ <i>Đầu tư xây dựng công trình mới trong năm 2018 theo cam kết với UBND tỉnh Quảng Ngãi phạm vi 14ha chưa có hạ tầng</i>	13.500	-	
	Thi công hệ thống San nền, giao thông, thoát nước mưa và thoát nước thải ...	8.000	-	
	Thi công hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4kV (khu vực 12ha thuộc 37ha GĐ1)	4.500	-	
	Thi công Lô cây xanh CX-01; CX-14	1.000	-	
4	<i>Chi phí khác (QLDA, Vốn, khác...)</i>	1.500	22.094	
	Bảo vệ dự án năm 2018	500	504	
	Chi phí duy trì, chăm sóc cây xanh	400	-	
	Chi phí quảng cáo bán hàng	600	21.590	
A7	<b>BAN QLDA SỐ 6</b>	139.901	132.568	95%
I	<b>DỰ ÁN HUD-BUIDING NHÀ TRẮNG</b>	139.901	132.568	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
1	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	138.641	131.698	
	- Thi công cọc khoan nhồi và tường vây	37.771	37.771	
	- Thí nghiệm cọc và tường vây	495	496	
	- Tư vấn giám sát xây dựng phần ngầm	820	820	
	- Biện pháp thi công phần ngầm	1.900	1.900	
	- Thi công tầng hầm	39.091	39.091	
	- Thi công phần thân	57.500	50.150	
	- Tư vấn giám sát xây dựng phần thân	1.064	1.470	
2	<b>Chi phí khác</b>	1.260	870	
	- CP quan trắc biến dạng công trình	200	70	
	- CP bảo hiểm công trình giai đoạn phần thân	400	800	
	- Lệ phí thẩm duyệt PCCC	660	-	
<b>A8</b>	<b>BAN QLDA HƯD ĐÀ LẠT</b>	<b>95.096</b>	<b>13.938</b>	<b>15%</b>
1	<b>+ Giai đoạn 1 (Xây dựng HTKT)</b>			
1.1	<b>Đền bù GPMB và tiền sử dụng đất</b>	69.023	1.325	
	- Đền bù GPMB	-	1.325	
	- Tiền sử dụng đất	-	-	
1.2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	4.773	4.078	
	- Điều chỉnh QH 1/500 (Dự kiến d/ chỉnh do vướng đất rừng, chi phí theo DADT VNCC thiết lập 2017)	825	-	
	- Lập DAĐT điều chỉnh (Đang thực hiện, giá trị theo hợp đồng)	266	338	
	- Thẩm tra DAĐT điều chỉnh	171	-	
	- Lập thiết kế cảnh quan và công trình trên đất		100	
	- Rà phá bom mìn (Đã thực hiện)	-	840	
	- Thiết kế BVTC và dự toán (Hạ tầng giao thông, san nền, TNM, TNT, cấp nước, điện, chiếu sáng....) (Chi phí lấy theo DADT do VNCC thiết lập 2017)	3.000	1.800	
	- Thẩm tra TKBVTC và dự toán Hạ tầng....(Chi phí lấy theo DADT do VNCC thiết lập 2017)	210	250	
	- Giám sát xây dựng (Chi phí lấy theo DADT do VNCC thiết lập 2017)	300	200	
	- Xây dựng mốc chôn sâu, lưới không chế và đường chuyên; Khôi phục và cắm mốc ranh giới dự án; Xây dựng mốc ranh giới đất rừng và định vị cây		550	
1.3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	20.500	5.180	
	- Thi công HTKT khu tái định cư	10.000	1.700	
	- Thi công HTKT khu kinh doanh	10.000	-	
	- Chi phí quản lý dự án đã thực hiện	500	2.500	
	- Xây dựng hàng rào giai đoạn 1 và pa nô quảng cáo		400	
	- Phá dỡ công trình và vật kiến trúc		160	
	- Dọn dẹp mặt bằng và bóc hữu cơ		420	
1.4	<b>Chi phí khác</b>	800	3.355	
	- Chi phí gia hạn tiến độ lần 2	650	3.340	
	- Bảo vệ dự án (Tạm tính 10.000.000/tháng)	120	-	
	- Quan trắc, giám sát môi trường (Tạm tính 15.000.000/Quý)	30	15	
<b>A9</b>	<b>BAN QLDA SỐ 8</b>	<b>63.740</b>	<b>22.920</b>	<b>36%</b>
<b>T</b>	<b>KUU ĐTM CHÁNH MỸ - B. DƯƠNG (43SHA)</b>	<b>61.900</b>	<b>20.350</b>	
1	<b>Tiền GPMB và SĐĐ</b>	21.000	13.200	
	- Đền bù GPMB đường Nguyễn Văn Cừ	20.000	-	
	- Đền bù khu Tái định cư	1.000	-	
	- Tiền SĐĐ		13.200	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	5.400	-	
2.1	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>	5.400	-	
	- Lập hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán HTKT	4.500	-	
	- Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán HTKT	800	-	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Lập dự án ĐT khu nhà ở chia khóa trao tay (20 căn)	100	-	
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	34.200	5.800	
3.1	<b>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	8.000	-	
	<i>Giai đoạn 1 (146,7ha)</i>	8.000	-	
	<i>Khu vực (53,5ha)</i>	8.000	-	
	- Thi công bó vỉa	3.000	-	
	- Lát vỉa hè xung quanh 9 ô công viên cây xanh	5.000	-	
	<i>Đường Nguyễn Văn Cừ</i>	20.200	5.200	
	- Đường giao thông	13.000	4.000	
	- Thoát nước mưa	1.200	200	
	- Thoát nước thải	6.000	1.000	
	<i>Đầu tư nhà ở chia khóa trao tay</i>	6.000	-	
	- Đầu tư nhà ở thấp tầng	6.000	-	
	<i>Di dời đường điện</i>		600	
	<i>Chi phí khác</i>	1.300	1.350	
II	<b>KHU DAN CỬ LONG THỌ - PHƯỚC AN (223HA)</b>	1.840	2.570	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	1.840	2.570	
	- Chăm sóc duy trì cây xanh	600	500	
	- Bảo vệ dự án	1.000	1.800	
	- Vận hành trạm cấp nước sạch	240	270	
A10	<b>BAN QLDA HIỆP BÌNH PHƯỚC</b>	60.135	348.416	579%
I	<b>DỰ ÁN HIỆP BÌNH PHƯỚC</b>	60.135	348.416	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	45.000	243.000	
	- Bồi thường các hộ dân (được quy đổi dựa trên cơ sở diện tích hoàn đổi đất và giá bồi thường)	45.000	243.000	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.635	-	
	- Khảo sát địa chất phục vụ TKBVTC	450		
	- TK BVTC và DT Hạ tầng kỹ thuật	1.080		
	- Thăm tra TK BVTC và dự toán Hạ tầng kỹ thuật	105		
	- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi			
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	13.500	105.416	
	- San nền chống tái lấn chiếm GĐ 1		34.000	
	- Giám sát san nền chống tái lấn chiếm GĐ 1		-	
	- San nền chống tái lấn chiếm GĐ 2		25.000	
	- Giám sát san nền chống tái lấn chiếm GĐ 2		636	
	- Đường giao thông	9.000		
	- Thoát nước mưa	900		
	- Thoát nước thải	600		
	- Góp vốn đầu tư hạ tầng chính	3.000	45.780	
A11	<b>BAN QLDA SỐ 9</b>	136.200	165.229	121%
I	<b>KHU BTM ĐÔNG TANG LONG (160HA)</b>	136.200	165.229	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>	8.000	11.439	
	- CP thực hiện công tác BTGPMB	8.000	11.439	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	4.400	3.600	
	<b>+ Hạ tầng kỹ thuật</b>	1.900	1.600	
	- TV thẩm định giá trị quyền sử dụng đất GĐ 3 (TV01-2014)	100	-	
	- Điều chỉnh thiết kế HTKT hạng mục san nền; đường hè, CX; TNM, TNT		100	
	- Lập dự án và thiết kế trạm xử lý nước thải	700	400	
	- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	100	100	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Tư vấn giám sát điện trung hạ thế	200	220	
	- Tư vấn giám sát hạ tầng kỹ thuật	800	780	
	<b>+ Nhà ở thấp tầng</b>	<b>2.500</b>	<b>2.000</b>	
	- Lập mặt bằng tổng thể các lô đất cao tầng	500	-	
	- Khảo sát thiết kế nhà ở	200	-	
	- Lập DADT và thiết kế BVTC nhà ở	1.800	2.000	
<b>3</b>	<b>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>84.800</b>	<b>144.340</b>	
<b>3.1</b>	<b>Sàn nền</b>	<b>4.400</b>	<b>9.700</b>	
	- Sàn nền Khu đất hợp tác với VPD	4.400	9.700	
<b>3.2</b>	<b>Đường hệ, giao thông</b>	<b>38.800</b>	<b>63.080</b>	
	Đường giao thông tuyến NB22		200	
	Nâng cấp cảnh quan đường B1		300	
	Via hè và thảm bê tông nhựa các tuyến A4, B1; các tuyến giới hạn từ B1-B6 và A1-A6; các tuyến giới hạn từ B1-B2 và A2 đến A4		1.500	
	Đường giao thông tuyến B6		200	
	Đường giao thông tuyến NB10		380	
	Đường giao thông tuyến NB14		1.300	
	Đường giao thông tuyến A3 (Từ LXO đến B5)		200	
	Via hè và thảm bê tông nhựa đợt 2		21.200	
	Đường giao thông khu hợp tác với VPD		37.800	
<b>3.3</b>	<b>Thoát nước mưa</b>	<b>3.600</b>	<b>11.500</b>	
	Thoát nước mưa B6		400	
	Thoát nước mưa NB9		400	
	Thoát nước mưa NB14		100	
	Thay thế nắp ga gang (Đợt 3)		1.500	
	Thoát nước mưa Khu hợp tác với VPD		9.100	
<b>3,40</b>	<b>Thoát nước thải</b>	<b>2.400</b>	<b>6.000</b>	
	Thoát nước thải tuyến A3 (Từ LXO đến B5)		500	
	Thoát nước thải Khu hợp tác với VPD		5.500	
<b>3.5</b>	<b>Cây xanh theo tuyến đường và tiểu công viên</b>	<b>2.200</b>	<b>4.600</b>	
	Vườn hoa số 14		800	
	Cây xanh theo tuyến đường, tiểu cảnh Khu hợp tác với VPD		3.800	
<b>3.6</b>	<b>Hệ thống điện chiếu sáng</b>	<b>3.700</b>	<b>6.700</b>	
	Chiếu sáng khu NB21,22,23, TĐC2,6		200	
	Chiếu sáng các khu NB9,10,13,14,15		4.000	
	Chiếu sáng Khu hợp tác với VPD		2.500	
<b>3.7</b>	<b>Hệ thống cấp nước sạch</b>	<b>1.700</b>	<b>5.860</b>	
	Cấp nước các khu NB9,10,12,13,14,15		4.300	
	Cấp nước Khu hợp tác với VPD		1.560	
<b>3.8</b>	<b>Hệ thống cấp điện trung, hạ thế</b>	<b>20.000</b>	<b>34.900</b>	
	Điện trung hạ thế khu NB21,22,23 và TĐC6		900	
	Điện trung hạ thế khu NB12		100	
	Điện trung hạ thế khu NB9,10,13,14,15		25.300	
	Điện trung hạ thế Khu hợp tác với VPD		8.600	
<b>3.9</b>	<b>Cống điều tiết, cống qua đường B6</b>	<b>8.000</b>	<b>2.000</b>	
<b>4</b>	<b>Chăm sóc duy trì cây xanh, bảo vệ dự án</b>	<b>4.000</b>	<b>3.800</b>	
<b>5</b>	<b>Đầu tư xây dựng dự án nhà ở thấp tầng:</b>	<b>35.000</b>	<b>250</b>	
<b>6</b>	<b>Cổng vào dự án</b>	<b>-</b>	<b>1.800</b>	
<b>A12</b>	<b>BÀN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN</b>	<b>4.665</b>	<b>2.850</b>	<b>61%</b>
<b>I</b>	<b>KHU ĐT MỚI TẠM LẬP (177HA)</b>	<b>1.500</b>	<b>1.350</b>	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
1	Tiền GPMB và SDD	-	-	
2	Chuẩn bị đầu tư	1.500	1.350	
	- Khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500	500	500	
	- Lập nhiệm vụ, QH chi tiết tỷ lệ 1/500	1.000	650	
	- Thẩm định quy hoạch		200	
II	KHU ĐTM MỚI MÈ LINH ĐÀI THINH (142HA)	3.165	900	
1	Chuẩn bị đầu tư	3.165	900	
	- Lập QH chi tiết điều chỉnh tỷ lệ 1/500	3.165	800	
	- Khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500	-	100	
III	KHU ĐTM THANH LÂM ĐÀI THINH I (54HA)	-	600	
1	Chuẩn bị đầu tư	-	600	
	- Lập QH chi tiết điều chỉnh tỷ lệ 1/500		600	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ỦY QUYỀN CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>	<b>212.455</b>	<b>44.747</b>	<b>21%</b>
B1	KHU ĐTM TÂY NAM LINH ĐÀM - HÀ NỘI (HUD2)	196.638	38.492	20%
1	Tiền GPMB và SDD	160.000	36.342	
	- Tuyển A7 đất thổ cư	110.000		
	- Chi trả tiền đền bù tài sản HTX		3.000	
	- 5,1 ha đất thuộc xã Thanh Liệt, Thanh Trì	50.000	-	
	- Chi trả tiền đền bù GPMB cho các hộ dân khiếu kiện đã rút đơn (66 hộ)		32.533	
	- Tiền sử dụng đất bổ sung		809	
2	Chuẩn bị đầu tư		31	
	- Lập QH 1/500 các ô TH2, NT2, CX2; Thẩm tra TKBVTC, dự toán bất đồ xe P2-CT2...	-	31	
2	Đầu tư xây dựng công trình	36.638	2.119	
2.1	Hạ tầng kỹ thuật	35.308	1.841	
	- Thi công TBA N1,2,3,4,8 và tuyến cáp ngầm 22kV	1.203	-	
	- Thi công điện hạ thế HT4	995	861	
	- Thi công điện hạ thế HT4B	382	-	
	- Giám sát thi công điện hạ thế HT4,5	81	-	
	- Thi công đường hè giai đoạn 2 (HUD1, HUD3, HUDS, HUD10)	4.500	-	
	- Thi công điện chiếu sáng hạ tầng vùng 2	2.900	-	
	- Hạ tầng bãi đỗ xe P	2.325	-	
	- Gói A7-TC Thi công ĐGT, TNM tuyến A7, cọc C5 đến cọc 4	4.197	-	
	- Cây xanh trục đường giai đoạn 2	671	-	
	- Thi công trồng cây xanh trục đường đối với các tuyến đường chưa có mặt bằng thi công: A7,B4, NB8, NB9A-B-C-D, B7-2	1.090	-	
	- Thi công đường giao thông TN mưa tuyến A7 từ cọc C5 đến cọc 4	4.197	-	
	- Thi công san nền ở 31, đường giao thông, TN mưa tuyến B1 (Từ cọc C1 đến C5), NB8, NB9A	5.453	-	
	- Thi công san nền một phần lô 14, đường giao thông, TN mưa tuyến B4	4.332	-	
	- Thi công đường giao thông thoát nước mưa tuyến NB9D	512	-	
	- Di chuyển đường hạ thế A7, B1	520	-	
	- Vận chuyển đất ra khỏi dự án 10km	1.000	-	
	- Bảo vệ dự án 2018	950	740	
	- Chi phí vận hành cấp nước		240	
2	Đầu tư xây dựng công trình	1.330	278	
	- Gói 8A,B,C-LĐ: Thi công lát hè và thẩm mịn các tuyến đường	430	-	
	- Gói 11: Thi công hệ thống cấp nước	600	278	
	- Gói 12: Thi công hệ thống cấp điện	300	-	
B2	KHU ĐTM VẠN CẢNH - HÀ NỘI (HUD8)	10.000	1.770	18%



TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	6.400	800	
1.1	<i>Hạ tầng kỹ thuật</i>	6.400	800	
	- CP khảo sát phục vụ công tác TK điều chỉnh HTKT (GD2 và đường 3,5m)	1.960	490	
	- Chi phí lập dự án đầu tư điều chỉnh giai đoạn 2	900	-	
	- Chi phí lập hồ sơ TKBVTC điều chỉnh HTKT	2.460	-	
	- Chi phí thẩm tra TKBVTC và dự toán	330	-	
	- Cầm mốc bổ xung theo đồ án quy hoạch điều chỉnh	100	-	
	- Quan trắc lún dự án	150	90	
	- Đánh giá tác động môi trường		220	
	- Thẩm định giá, xác định lại giá trị tiền sử dụng đất	500	-	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	3.600	970	
2.1	<i>Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật</i>	2.600	-	
	- Thi công HTKT GD2	2.600	-	
	+ Thi công HTKT xung quanh lô LK24,25, 26	2.600	-	
2.2	<i>Chi phí khác</i>	1.000	970	
	- Chi phí bảo vệ dự án	1.000	970	
<b>B3</b>	<b>KHU ĐTM PHƯỚC AN - ĐÔNG NAI (HUD SAIGON)</b>	<b>5.817</b>	<b>4.485</b>	<b>77%</b>
1	<i>Đền bù GPMB và SDD</i>	1.514	1.512	
	- Tiền thuê đất khu TMDV	1.514	1.512	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	4.303	2.973	
2.1	<i>+ Hạ tầng kỹ thuật</i>			
2.2	<i>+ Dịch vụ công ích</i>	4.303	2.973	
	- Bảo vệ mặt bằng dự án	1.460	1.347	
	- Chăm sóc duy trì cây xanh, thảm cỏ	2.093	1.626	
	- Sửa chữa trước khi bàn giao	750	-	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>	<b>2.222.648</b>	<b>1.932.000</b>	<b>87%</b>
<b>I</b>	<b>C.TY CP ĐT &amp; XÂY DỰNG HUD1</b>	<b>300.000</b>	<b>550.000</b>	<b>183%</b>
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN 176 ĐỊNH CÔNG</b>	<b>300.000</b>	<b>550.000</b>	
<b>1</b>	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	<b>300.000</b>	<b>550.000</b>	
<b>2</b>	<b>C.TY CP ĐTPT NHÀ HUD2</b>	<b>282.921</b>	<b>12.349</b>	<b>4%</b>
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN CHUNG CƯ B-CT2 - KHU ĐTM TÂY NAM LINH ĐÀM</b>	<b>447</b>	<b>1.215</b>	
<b>3</b>	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	<b>447</b>	<b>1.215</b>	
	- Thẩm duyệt QT vốn đầu tư	<b>447</b>	<b>1.215</b>	
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN LÔ ĐẤT LK27 &amp; BT01 KHU ĐTM ĐÔNG SƠN - THANH HÓA</b>	<b>11.846</b>	<b>7.832</b>	
<b>1</b>	<i>Trả tiền chuyển giao hạ tầng + Tiền SDD</i>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>2</b>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<b>911</b>	<b>893</b>	
	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	<b>911</b>	<b>893</b>	
<b>3</b>	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	<b>10.278</b>	<b>6.763</b>	
<b>3</b>	<i>Chi phí QLDA</i>	<b>657</b>	<b>176</b>	
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN 777 - ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG</b>	<b>71.628</b>	<b>1.279</b>	
<b>1</b>	<i>Đền bù GPMB và tiền SDD</i>	<b>24.753</b>	<b>-</b>	
	- Tiền SDD	<b>24.753</b>		
<b>2</b>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<b>3.664</b>	<b>-</b>	
	- Khoan KSĐC, lập DA, thiết kế	<b>3.664</b>		
<b>3</b>	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	<b>43.211</b>	<b>1.279</b>	
	- Thi công công trình	<b>39.868</b>	<b>-</b>	
	+ BTCT cũ <i>Lasen</i>	<b>2.000</b>		
	+ Thi nghiệm cọc	<b>900</b>		
	+ Thi công cọc đại trà	<b>13.500</b>		
	+ Thi công tăng hầm	<b>7.300</b>		
	+ Chống mối	<b>400</b>		
	+ Thi công phần thân (Tạm tính 20% giá trị XL phần thân : 78,84 triệu đồng)	<b>15.768</b>		
	- Một số chi phí tư vấn khác (Lập, thẩm tra phương án phá dỡ, lập BC tác động môi trường, lập hồ sơ KTTĐ, cắm mốc...)	<b>270</b>		
	- Chi phí khác QLDA	<b>579</b>		
	- Chi phí bảo hiểm công trình	<b>191</b>		
	- Chi phí hạng mục chung	<b>946</b>		
	- Chi phí khác (Đưa và nối hạ tầng, khởi công...)	<b>458</b>		
	- Chi phí hỗ trợ HUDCIC thuê văn phòng	<b>899</b>	<b>1.279</b>	
<b>VI</b>	<b>DỰ ÁN MỚI</b>	<b>199.000</b>	<b>2.023</b>	
<b>1</b>	<i>Dự án khu dân cư tái định cư đường Cao Bá Quát, phường 7, Đà Lạt</i>	<b>99.000</b>	<b>-</b>	
	- Tiền GPMB	<b>99.000</b>		
<b>2</b>	<i>Dự án mới khác (Dự án đầu giá đất, dự án nhận chuyển nhượng hạ tầng, nhận chuyển nhượng dự án dở dang)</i>	<b>100.000</b>	<b>-</b>	
	- Tiền SDD	<b>100.000</b>		
<b>3</b>	<b>C.TY CP ĐT &amp; XÂY DỰNG HUD3</b>	<b>230.800</b>	<b>231.902</b>	<b>100%</b>
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN TOÀ NHÀ HANEL-HUD3</b>	<b>136.800</b>	<b>180.742</b>	
<b>1</b>	<i>Tiền GPMB và SDD</i>	<b>4.500</b>	<b>2.500</b>	
	- Tiền thuê đất dự án	<b>4.500</b>	<b>2.500</b>	
<b>2</b>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<b>17.585</b>	<b>26.920</b>	
	- CP giám sát thi công + lắp đặt thiết bị	<b>1.615</b>	<b>1.600</b>	
	- CP quản lý dự án	<b>1.470</b>	<b>1.470</b>	
	- CP kinh doanh	<b>800</b>	<b>8.200</b>	
	- CP lãi vay, phạt chậm tiền đất	<b>13.200</b>	<b>15.200</b>	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Chi phí Tư vấn khác	500	450	
<b>3</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>114.715</b>	<b>138.842</b>	
	- Hạ tầng sân vườn ngoài nhà	11.000	11.000	
	- Cấp điện, chống sét, cấp thoát nước trong nhà	8.693	28.743	
	- Sơn bả trong và ngoài nhà	11.882	13.100	
	- PCCC, hệ thống thông gió và điều áp	1.867	1.867	
	- Cửa gỗ công nghiệp	13.273	13.273	
	- Cửa kính, vách kính, mái nhôm, mái kính	14.656	15.000	
	- Cửa chống cháy	2.308	2.300	
	- Trần thạch cao	4.994	4.990	
	- Điều hòa không khí	5.023	5.000	
	- Sàn gỗ công nghiệp	10.000	10.100	
	- Biển căn hộ, biển tòa nhà, biển quảng cáo trên mái, biển chỉ dẫn...	1.200	1.100	
	- Kế vạch sơn giao thông, hệ thống quản lý xe thông minh	435	435	
	- Hệ thống camera giám sát, âm thanh công cộng	1.053	1.000	
	- Lan can, lô gia, cầu thang, hoa sắt cửa sổ	958	958	
	- Truyền hình, điện thoại	1.800	1.900	
	- Thang máy	6.076	6.000	
	- Thùng rác các loại, thiết bị nhà sinh hoạt cộng đồng	272	272	
	- Trạm biến áp	6.500	6.500	
	- Máy phát điện dự phòng	5.490	5.500	
	- Nội thất sảnh chung cư		330	
	- Chi phí lán trại, nhà điều hành	74	74	
	- Chi phí hạng mục chung	6.161	6.400	
	- Chi phí bù lỗ 3 năm đầu	1.000	3.000	
<b>4</b>	<b>Các chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>12.480</b>	
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ SỐ 5 ĐÀ LẠT</b>	<b>14.000</b>	<b>-</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>14.000</b>		
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ KHÁC</b>	<b>80.000</b>	<b>51.160</b>	
<b>1</b>	<b>Nhận chuyển nhượng LKV-19A, LKV-20A HUD Sơn Tây</b>	<b>80.000</b>	<b>51.160</b>	
<b>4</b>	<b>C-TY CP ĐT &amp; XÂY DỰNG HUD4</b>	<b>159.983</b>	<b>195.501</b>	<b>122%</b>
<b>1</b>	<b>KHU B CÔNG NGHIỆP BỈM SƠN (1,8HA)</b>	<b>10.300</b>	<b>9.655</b>	
<b>1</b>	<b>Đền bù GPMB</b>	<b>2.383</b>	<b>8.405</b>	
	- Đền bù GPMB	2.383	8.405	
<b>2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>417</b>	<b>750</b>	
	- Chuẩn bị đầu tư	417	750	
	- Chi phí khác	-	-	
<b>3</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>7.500</b>	<b>500</b>	
	- Thi công HTKT	7.500	500	
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN SỐNG ĐƠ, SẦM SƠN, THANH HOÁ</b>	<b>55.954</b>	<b>164.006</b>	
<b>1</b>	<b>Đền bù GPMB+ tiền sử dụng đất</b>	<b>19.254</b>	<b>46.092</b>	
	- Đền bù GPMB	10.654	26.492	
	- Tiền sử dụng đất	8.600	19.600	
<b>2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>1.500</b>	<b>4.243</b>	
	- Khảo sát, TK KT	1.500	4.243	
<b>3</b>	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>34.000</b>	<b>113.671</b>	
	+ Hạ tầng kỹ thuật	20.000	105.011	
	- Thi công hạ tầng kỹ thuật	20.000	105.011	
	+ Xây dựng công trình	14.000	8.660	
	- Xây dựng nhà thấp tầng	14.000	8.660	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
4	Chi phí khác	1.200	-	
	- QLDA, vốn,...	1.200		
<b>III</b>	<b>DỰ ÁN BÃI ĐỒ XE Ô TÔ TẠI LÔ CS</b>	<b>1.371</b>	<b>45</b>	
1	Tiền quản lý khai thác vận hành	300	-	
	- Tiền quản lý khai thác vận hành	300		
1	Chuẩn bị đầu tư	98	45	
	- Khảo sát, TK KT	98	45	
2	Đầu tư xây dựng công trình	902	-	
	- Xây dựng công trình	902		
3	Chi phí khác	71	-	
	- QLDA, vốn,...	71		
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN LÔ 2,3 QUẢNG HƯNG</b>	<b>44.038</b>	<b>4.905</b>	
1	GPMB và tiền SDD	84	584	
	- Tiền đền bù GPMB	84	584	
1	Chuẩn bị đầu tư	2.034	4.321	
2	Đầu tư xây dựng công trình	39.720	-	
	- Xây dựng công trình	39.720		
3	Chi phí khác	2.200	-	
	- QLDA, vốn,...	2.200		
<b>V</b>	<b>NHÀ Ở XÃ HỘI CÁN BỘ CHIẾN SĨ CÔNG AN TỈNH</b>	<b>46.600</b>	<b>3.705</b>	
1	Chuẩn bị đầu tư	1.500	3.705	
	- Khảo sát, TK KT	1.500	3.705	
2	Đầu tư XD công trình	42.000	-	
	- Xây dựng nhà cao tầng	42.000		
3	Chi phí khác	3.100	-	
	- QLDA, vốn,...	3.100		
<b>VI</b>	<b>DỰ ÁN TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH KHU B KHU CN BÌM SƠN</b>	<b>1.720</b>	<b>2.225</b>	
1	Chuẩn bị đầu tư	220	275	
	- Khảo sát, TK KT	220	275	
2	Đầu tư XD công trình	1.500	1.950	
	- XD công trình	1.500	1.950	
<b>VII</b>	<b>DỰ ÁN ĐTXD NHÀ Ở TNT CS TẠI KĐT NAM TP THANH HÓA</b>		<b>9.000</b>	
1	Đầu tư XD công trình	-	9.000	
	- Xây dựng nhà cao tầng		9.000	
<b>VII</b>	<b>DỰ ÁN KHU BIỆT THỰ PHÍA TÂY NGUYỄN ĐỨC CẢNH</b>		<b>360</b>	
1	Đầu tư XD công trình	-	360	
	- Xây dựng công trình		360	
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ KHU PHỐ 6</b>	<b>-</b>	<b>1.600</b>	
1	GPMB và tiền SDD	-	1.600	
	- Tiền đền bù GPMB		1.600	
<b>5</b>	<b>C.TY CPĐT &amp; PT BĐS HUD LAND</b>	<b>291.540</b>	<b>342.617</b>	<b>118%</b>
<b>I</b>	<b>KHU ĐTM LÊ THÁI TỎ - BẮC NINH (28HA)-KHU B</b>	<b>201.139</b>	<b>204.882</b>	
1	Chuẩn bị đầu tư		2.958	
2	Đầu tư xây dựng công trình	198.447	192.496	
	- Phần HTKT	21.887	9.712	
	- Phần thô + gia công cửa	148.177	168.562	
	- Cây xanh cảnh quan trong và ngoài nhà	17.723	7.686	
	- Nhà cộng đồng + Bể bơi	10.660	6.536	
3	Chi phí khác	2.692	9.428	
	- Chi phí QLDA	2.692	9.428	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
II	<b>DỰ ÁN NHÀ Ở THU NHẬP THẤP BẮC NINH</b>	80.792	135.879	
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	-	1.095	
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	80.792	134.784	
	- Phần móng		1.680	
	- Phần thân	16.351	16.885	
	- Phần hoàn thiện	50.757	102.732	
	- Phần HTKT, sân vườn ngoài nhà	3.341	2.307	
	- 14 căn thương mại + cửa	7.875	6.866	
	- Chi phí khác (QLDA, lãi vay...)	2.468	4.314	
III	<b>DỰ ÁN MỚI KHÁC</b>	9.609	1.856	
1	Dự án sân Gold quốc tế Thuận Thành	2.459	619	
2	Dự án B1 đường Lý Anh Tông	1.340	526	
3	Khu công viên Văn Miếu thành phố Bắc Ninh	2.571	140	
	Dự án đầu tư XD đường ĐT 285, Yên Phong, Bắc Ninh theo hình thức BT	1.592	340	
4	Dự án đầu tư XD đường Ngô Tất Tố, Bắc Ninh theo hình thức BT	1.147	231	
5	Nghiên cứu và xuacs tiến chuẩn bị đầu tư các dự án mới	500		
6	<b>C.TY CP ĐT PT NHÀ &amp; ĐT HUD6</b>	125.000	87.300	70%
I	<b>CÔNG TRÌNH HỖN HỢP CS - HH VIỆT HƯNG</b>	70.000	13.700	
	<i>GPMB và SDD</i>	40.000	-	
	- Tiền sử dụng đất	40.000		
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	14.000	13.700	
	- TK BVTC	14.000	13.700	
	<i>Đầu tư xây dựng</i>	16.000	-	
	- Xây dựng công trình + Chi phí khác	16.000		
	<i>Chi phí khác</i>	-	-	
II	<b>CÔNG TRÌNH LK26, 28, BT01 ĐÔNG SƠN</b>	2.000	3.000	
1	<i>GPMB và SDD</i>	-	-	
2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	-	-	
3	<i>Đầu tư xây dựng</i>	2.000	3.000	
	- Xây dựng công trình + Chi phí khác	2.000	3.000	
III	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN MỚI</b>	53.000	70.600	
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	53.000	70.600	
7	<b>C.TY CP ĐT PT NHÀ &amp; ĐT HUD8</b>	137.280	148.420	108%
I	<b>KHU NHÀ Ở TRẦN HƯNG ĐẠO -TP LÀO CAI</b>	780	-	
1	<i>Chi phí khác</i>	780	-	
	- Quản lý dự án, lãi vay, khác...	780		
III	<b>LÔ TT2, TT6B, TT6D KHU ĐTM TÂY NAM LINH ĐÀM</b>	630	-	
1	<i>Chuyển giao hạ tầng</i>	630	-	
	- Tiền chuyển giao hạ tầng	630		
IV	<b>DỰ ÁN XUÂN PHƯƠNG GARDEN</b>	60.650	78.510	
1	<i>Đền bù GPMB và SDD</i>	43.000	51.770	
	- Tiền sử dụng đất	40.000	51.000	
	- Đền bù GPMB	3.000	770	
2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	-		
3	<i>Đầu tư xây dựng công trình</i>	17.150	24.970	
	- Thi công hàng rào tạm bảo vệ dự án	300	300	
	- Thi công đấu nối điện, nước, hạ tầng	350	1.000	
	- Thi công hạng mục HTKT ( Sân nền, đường GT, TNM, TMT, cây xanh, điện chiếu sáng, cấp nước, hàng rào...)	6.500	6.500	
	- Thi công đấu cấp điện trung và hạ thế		1.900	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
	- Thi công xây thô nhà thấp tầng	10.000	15.270	
4	<b>Chi phí khác</b>	500	1.770	
	- QLDA, giám sát, kiểm toán, quyết toán, quảng cáo tiếp thị, lãi vay, khác...)	500	1.770	
V	<b>DỰ ÁN KHU ĐTM HUD SON TÂY</b>	75.220	69.910	
1	<b>Chuyển giao hạ tầng</b>	68.530	68.530	
	- Tiền chuyển giao hạ tầng	68.530	68.530	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.470	880	
	- KSĐC lập DAĐT	1.470	880	
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	5.000	-	
	- Xây dựng nhà thấp tầng	5.000	-	
4	<b>Chi phí khác</b>	220	500	
	- QLDA, giám sát, kiểm toán, quyết toán, lãi vay, khác...)	220	500	
8	<b>C.TY CP ĐT PT NHÀ &amp; ĐT HUD SÀI GÒN</b>	61.090		0%
1	<b>KHU NHÀ Ở PHƯỜNG HIỆP PHÚ</b>	650	-	
1	<b>Tiền GPMB và SDD</b>			
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	650	-	
	- Khảo sát địa chất	150		
	- Lập dự án đầu tư	500		
II	<b>DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐỒNG TĂNG LONG</b>	60.440	-	
1	<b>Tiền SDD</b>	36.645	-	
	- Tiền chuyển giao hạ tầng	36.645		
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.867	-	
	- Lập dự án đầu tư	442		
	- Khảo sát địa chất	225		
	- Thiết kế KTTC	1.050		
	- Thẩm tra thiết kế KTTC	150		
3	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	21.928	-	
	- Xây dựng công trình	21.928		
9	<b>C.TY CP PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI HUD.VN</b>	184.000	171.800	93%
I	<b>DỰ ÁN LK29 DỰ ÁN ĐÔNG SƠN - THANH HÓA</b>	47.600	4.500	
1	<b>GPMB và SDD</b>	8.300	-	
	- Tiền SDD	8.300		
1	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	39.300	4.500	
	- Xây dựng nhà thấp tầng (xây thô 56 căn)	39.300	4.500	
II	<b>DỰ ÁN LKV 13, LKV 20B KHU ĐTM HUD SON TÂY</b>	67.900	41.300	
1	<b>GPMB và SDD</b>	38.500	38.500	
	- Tiền SDD	38.500	38.500	
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	1.500	800	
	- KS, TKKT	1.500	800	
1	<b>Đầu tư xây dựng công trình</b>	27.900	2.000	
	- Xây dựng nhà thấp tầng (xây thô hoàn thiện mặt ngoài 22 căn)	27.900	2.000	
III	<b>DỰ ÁN KHÁC</b>	68.500	126.000	
	- Dự án BT05 Đông Sơn Thanh Hóa		29.700	
	- Dự án LK03, LK05, LK07, BT02 Hà Tĩnh		36.300	
	- Đầu tư tài chính		60.000	
10	<b>C.TY CP ĐT PT NHÀ &amp; ĐT NHA TRANG</b>	120.000	140.000	117%
I	<b>KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỚC LONG (S0HA)</b>	10.200	2.122	
1	<b>Đền bù GPMB và SDD</b>	8.000	440	
	- Đền bù GPMB	8.000	440	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	
			GIÁ TRỊ	% KH
2	Chuẩn bị đầu tư	-	-	
3	Đầu tư xây dựng công trình	2.200	1.682	
	- Thi công HIKT	2.200	1.682	
II	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI	99.300	112.618	
1	Chuẩn bị đầu tư	-	833	
	- Chuẩn bị đầu tư nhà cao tầng	-	283	
	- Chuẩn bị đầu tư nhà cao tầng	-	550	
2	Đầu tư xây dựng công trình	99.300	111.785	
	- Thi công nhà cao tầng	99.300	88.485	
	- Thi công nhà thấp tầng		23.300	
III	DỰ ÁN TRỤ SỞ CÔNG TY	5.000	10.528	
1	Thi công	5.000	10.528	
IV	DỰ ÁN SEA-PARK MỞ RỘNG	500	-	
1	Chuẩn bị đầu tư	500		
V	DỰ ÁN KẾT CẤU CÔNG VIÊN TRUNG TÂM ĐỒNG XOÀI	5.000	14.732	
1	Chuẩn bị đầu tư	5.000	14.732	
11	C.TY TNHH 1 THÀNH VIÊN HUDS	235.000	30.500	13%
I	DỰ ÁN VŨ LÂM, TÂY ĐĂNG	150.000	27.200	
III	DỰ ÁN 370 QUANG TRUNG	15.000	-	
IV	ĐẦU TƯ KHÁC	50.000		
V	ĐẦU TƯ MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN	20.000	3.300	
12	C.TY CP ĐPT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD S.E	23.116	420	2%
I	DỰ ÁN LK-02 KHU ĐÔ THỊ BẮC THÀNH PHỐ HÀ TĨNH	13.116	420	
1	Đầu tư xây dựng công trình	10.146	-	
	- Xây dựng nhà thấp tầng	10.146		
2	Chi phí khác	2.970	420	
	- Chi phí QLDA, lãi vay...	2.970	420	
II	DỰ ÁN LKV 20A, 20B KHU ĐTM HUD SON TÂY	10.000		
13	C.TY TNHH ĐPT NHÀ KIÊN GIANG			
14	C.TY CP ĐT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ UIC	34.000	17.500	51%
I	KHU DC BẮC ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ, Q. TRỊ (2,3HA)	10.000	17.500	
1	Đầu tư xây dựng	10.000	17.500	
	- Xây dựng HIKT	10.000	17.500	
II	DỰ ÁN KHU DC THỊ TRẤN KẾ SÁT, HẢI DƯƠNG (18HA)	24.000	-	
1	Tiền SDD	24.000		
15	C.TY CP ĐT VÀ XÂY DỰNG HUD 10	18.000	-	0%
I	DỰ ÁN KHU DC THỊ TRẤN KẾ SÁT, HẢI DƯƠNG (18HA)	18.000	-	
1	Chuẩn bị đầu tư	18.000		
16	C.TY CP ĐẦU TƯ TAM ĐẢO	19.918	3.800	19%
I	DỰ ÁN SÂN GOLF TAM ĐẢO	8.500	3.800	
1	Thi công các hạng mục cải tạo, sửa chữa nhỏ	8.500	3.800	
II	DỰ ÁN LK-02 KHU ĐÔ THỊ BẮC THÀNH PHỐ HÀ TĨNH	11.418	-	
1	Đầu tư xây dựng	11.418	-	
	- Xây dựng nhà thấp tầng	11.418		

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ**  
**Phụ lục 3: CHI TIẾT KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019**

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2019 BXD
<b>A+B</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD CỦA TCT</b>	<b>10.300.000</b>
<b>A</b>	<b>CÔNG TY MẸ</b>	<b>2.831.000</b>
<b>B</b>	<b>CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>	<b>7.469.000</b>
<b>A1</b>	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>	<b>2.654.300</b>
1	Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc	50.000
2	Khu đô thị HUD Sơn Tây	150.000
3	Khu nhà ở DVTH hồ Linh Đàm	5.000
4	Khu đô thị mới Đông Sơn - Thanh Hóa	10.000
5	Khu đô thị mới Bắc Hà Tĩnh	100.000
6	HUD Mê Linh Central	200.000
7	Dự án Toà nhà HUD TOWER	500.000
8	Kinh doanh cho thuê văn phòng (VP TCT)	5.600
9	Khu đô thị mới Phú Mỹ	250.000
10	HUD Buiding Nha Trang	200.000
11	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	300.000
12	Khu đô thị mới Đông Tăng Long	863.200
13	Kinh doanh cho thuê VP 159 Điện Biên Phủ	9.000
14	Dịch vụ của Sàn GDBĐS	11.500
<b>A2</b>	<b>XÂY LẮP</b>	<b>177.000</b>
1	Xây lắp tự thực hiện	177.000

*Kế hoạch kinh doanh tại các dự án trên là dự kiến. Tổng công ty sẽ chủ động đẩy mạnh triển khai kinh doanh các dự án đủ điều kiện, thị trường thuận lợi và thực hiện kinh doanh theo nhiều phương thức khác nhau phù hợp với quy định của pháp luật để cân đối, phân đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.*



TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2019 BXD
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TY CON</b>	<b>7.469.000</b>
<b>B1</b>	<b>C.TY CP ĐTXD HUD1</b>	<b>750.000</b>
1.1	Xây lắp	500.000
	- Công trình tự tìm kiếm	500.000
1.2	Kinh doanh	250.000
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	250.000
al	<b>Dự án 176 Định Công</b>	<b>250.000</b>
	- Kinh doanh nhà cao tầng	250.000
<b>B2</b>	<b>C.TY CP ĐTPT NHÀ HUD2</b>	<b>96.828</b>
2.1	Xây lắp	38.500
2.2	Kinh doanh	58.328
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	57.762
b	Kinh doanh khác	566
<b>B3</b>	<b>C.TY CP ĐTXD HUD3</b>	<b>462.000</b>
3.1	Xây lắp	360.000
	- Công trình tự đầu tư	20.000
	- Công trình tự tìm kiếm	340.000
3.2	Kinh doanh	102.000
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	82.100
al	<b>Dự án HUD Sơn Tây</b>	<b>82.100</b>
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	82.100
a2	<b>Khu nhà ở hỗn hợp Việt Hiến</b>	<b>17.900</b>
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	17.900
b	Khác	2.000
<b>B4</b>	<b>C.TY CP ĐTXD HUD4</b>	<b>430.000</b>
4.1	Xây lắp	100.000
4.2	Kinh doanh	330.000
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	324.652
al	<b>Dự án chung cư cao tầng Phú Sơn</b>	<b>27.813</b>
a2	<b>Dự án Sông Đơ Sầm Sơn</b>	<b>200.000</b>
a3	<b>Dự án chung cư TNT lô C5</b>	<b>52.139</b>
a4	<b>Khu Công nghiệp Bim Sơn</b>	<b>20.000</b>
a5	<b>Dự án lô 2, lô 3 Quảng Hưng</b>	<b>10.000</b>
a6	<b>Dự án Nhà ở cán bộ chiến sỹ công an</b>	<b>10.000</b>

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2019 BXD
a7	Kiot thu nhập thấp Phú Sơn	4.700
b	Kinh doanh VLXD	2.348
c	Kinh doanh dịch vụ	3.000
<b>B5</b>	<b>C.TY CPĐT &amp; PT BĐS HUD.LAND</b>	<b>365.357</b>
5.1	Kinh doanh	365.357
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	365.357
a1	- Dự án TNT khu B Bắc Ninh	123.826
a2	- Dự án Nhà ở lô đất khu B Bắc Ninh	192.897
a3	- Dự án văn phòng CC7	1.566
a4	- Dự án CT17 Việt Hưng	47.068
<b>B6</b>	<b>C.TY CPĐTPT NHÀ &amp; ĐT HUD6</b>	<b>85.000</b>
6.1	Kinh doanh	85.000
a	Kinh doanh dịch vụ thương mại	5.000
b	Kinh doanh nhà và hạ tầng	80.000
b1	Dự án LK26, LK28, BT1 ĐTM Đông Sơn	60.000
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	60.000
b2	Dự án D2 CT2 Tây Nam Linh Đàm	10.000
	- Kinh doanh nhà cao tầng	10.000
b3	Dự án khác	10.000
<b>B7</b>	<b>C.TY CPĐTPT ĐÔ THỊ HUD8</b>	<b>166.730</b>
7.1	Kinh doanh	163.540
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	163.540
1	Dự án Mai Trai	75.670
2	Dự án Xuân Phương Garden	87.870
7.2	Tư vấn	3.190
<b>B8</b>	<b>C.TY CPĐTPT NHÀ &amp; ĐT HUD.SÀI GÒN</b>	<b>81.680</b>
8.1	Xây lắp	41.680
	- Các công trình trong DA Tổng công ty	41.680
	- Công trình tự tìm kiếm	
8.2	Kinh doanh	40.000
8.3	Tư vấn	
<b>B9</b>	<b>C.TY CP PT NHÀ XÃ HỘI HUD.VN</b>	<b>195.000</b>
9.1	Xây lắp	37.200
9.1	Kinh doanh	157.800

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2019 BXD
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	157.800
1	Dự án LK29 - Đông Sơn, Thanh Hóa (14 căn còn lại)	11.000
2	Dự kiến dự án BT-05 Đông Sơn, Thanh Hóa	37.000
3	Dự án LKV-13, LKV-20B Khu đô thị HUD Sơn Tây	42.000
4	Dự án LK-03, LK-05, LK-07 và BT-02 Hà Tĩnh	67.800
<b>B10</b>	<b>C.TY CPĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NHÀ TRANG</b>	<b>278.000</b>
10.1	Xây lắp	3.000
10.1	Kinh doanh	221.790
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	221.790
a1	Dự án Nhà ở xã hội	82.790
	- Căn hộ chung cư	82.790
a2	Dự án CCU-01 Phước Long; CCU-01, CCU-02 Sea Park	139.000
10.1	Dịch vụ bất động sản	53.210
<b>B11</b>	<b>C.TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN HUDS</b>	<b>368.000</b>
11.1	Xây lắp	87.500
11.2	Kinh doanh	280.500
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	
b	Kinh doanh khác	280.500
b1	- Quản lý đô thị	99.100
b2	- Kinh doanh dịch vụ	165.505
b3	- Kinh doanh khác	15.895
<b>B12</b>	<b>C.TY CPĐTPT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD SE</b>	<b>92.004</b>
12.1	Xây lắp	48.969
12.1	Kinh doanh	43.035
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	16.527
a1	Dự án Bắc Hà Tĩnh	16.527
	- Kinh doanh nhà thấp tầng LK2,LK4	16.527
b	Kinh doanh VLXD	6.508
c	Kinh doanh khác	20.000
<b>B13</b>	<b>C.TY TNHH ĐT PT NHÀ KIẾN GIANG</b>	<b>3.726.399</b>
13.1	Giá trị tư vấn	45.000
	+ Công ty liên kết	45.000
13.2	Kinh doanh nhà và hạ tầng	612.000
	+ Công ty mẹ	50.000
	+ Công ty con	12.000

TT	CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC	KH 2019 BXD
	+ Công ty liên kết	550.000
13.3	Xây lắp	411.100
	+ Công ty mẹ	100.000
	+ Công ty con	147.600
	+ Công ty liên kết	163.500
13.4	Sản xuất công nghiệp	1.753.894
	+ Công ty mẹ	25.150
	+ Công ty con	1.528.744
	+ Công ty liên kết	200.000
13.5	Kinh doanh khác	904.405
	+ Công ty mẹ	1.850
	+ Công ty con	752.555
	+ Công ty liên kết	150.000
<b>B14</b>	<b>C. TY CP ĐẦU TƯ XD ĐÔ THỊ UIC</b>	<b>100.000</b>
14.1	Xây lắp	60.000
14.2	Kinh doanh	40.000
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	40.000
a2	Dự án khu dân cư Bắc đường Nguyễn Huệ	40.000
	- Kinh doanh nhà thấp tầng	40.000
<b>B15</b>	<b>C. TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD 10</b>	<b>97.000</b>
15.1	Xây lắp	65.000
	- Các công trình trong DA Tổng công ty	
	- Công trình tự tìm kiếm	65.000
15.2	Kinh doanh	32.000
a	Kinh doanh VLXD	27.000
b	Kinh doanh khác (Dịch vụ cho thuê tài sản)	5.000
<b>B16</b>	<b>C. TY CP ĐẦU TƯ TAM ĐẠO</b>	<b>159.578</b>
16.1	Kinh doanh	159.578
a	Kinh doanh nhà và hạ tầng	21.555
b	Kinh doanh dịch vụ	138.023
<b>B17</b>	<b>C. TY CP TƯ VẤN DT VÀ XÂY DỰNG HUD CIC</b>	<b>15.000</b>
17.1	Kinh doanh	15.000
	- Tư vấn thiết kế	15.000

**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m <sup>2</sup> )	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú			
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
<b>TỔNG CỘNG CHUNG: TGT</b>												21.358	18.933	3.500	803	1.718	977	
A	<b>CÔNG TY MẸ</b>											16.944	14.774	1.772	446	841	485	
AI	<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP ĐẦU TƯ</b>											16.914	14.682	1.739	432	831	476	
<b>CÁC DỰ ÁN GIAO BAN QLDA TRỰC THUỘC CÔNG TY MẸ THỰC HIỆN</b>												13.909	12.054	1.708	425	817	466	
<b>BAN QUAN LÝ DỰ ÁN SỐ 1</b>												2.555	2.292	203	49	75	79	
<i>Dự án DT, XD, HTKT</i>												1.172	1.156	130	27	39	64	
1	Dự án khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc	Hà Đông, Hà Nội	HUD	2003	2020	62 ha	697,2	B	487	494	5	2	1	2				
2	Dự án Tuyến đường 2.5 Định Công (ĐB GPMB, TC)	Hoàng Mai, Hà Nội	Tp HN	2019	2020	720 m <sup>2</sup>	41,0		-	-	19	4	6	9				
3	Dự án Khu đô thị HUD - Sơn Tây	Sơn Tây, Hà Nội	HUD	2010	2013	23,4 ha	1.224,2	A	685	661	107	21	32	53				
<i>Dự án thành phần, công trình</i>												1.182	1.136	73	22	36	15	
1	Dự án Tòa nhà NewSkyline	Hà Đông, Hà Nội	HUD	2009	2017	100454 m <sup>2</sup> sàn, 36T+2H	1.820,0	A	1.319	1.074	9	3	4	2				
2	Dự án CLB Văn Quán - Lô đất CC1	Hà Đông, Hà Nội	HUD	2009	2014	7380 m <sup>2</sup>	15,0	C	-	-	10	3	5	2				
3	Dự án Nhà ở thấp tầng HUD Sơn Tây - GĐ1	Sơn Tây, Hà Nội	HUD	2017	2018	64079 m <sup>2</sup> sàn, 254 căn hộ	239,6	B	63	63	54	16	27	11				
<b>BAN QUAN LÝ DỰ ÁN SỐ 2</b>												2.433	2.059	62	19	19	24	
<i>Dự án DT, XD, HTKT</i>												1.600	1.534	51	15	13	22	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm (BĐ LD 35ha)	Hoàng Mai, Hà Nội	HUD	2000	2016	160,09 ha	700,2	A		16	13	4	2	7				
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp	Hoàng Mai, Hà Nội	HUD	2001	2016	51,71 ha	664,2	B	374	374	2	1	1	0				
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Đông Sơn - Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD	2007	2017	78,35 ha	703,9	B	564	534	29	8	8	13				
4	Dự án khu đô thị mới Châu Sơn, Hà Nam	Hà Nam	HUD	2004	2014	68,7ha	196,0	B	204	171	0	0	0	0				

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
5	Dự án khu dân cư 9,1ha Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	HUD	2010	2015	8,6ha	385,0	B	458	440	6	2	3	1	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								833	524	11	3	6	2	
1	Dự án NG-VP2, NG-VP4 Linh Đàm	Hoàng Mai, Hà Nội	HUD	2009	2015	25T+2H	949,0	B	833	514	1	0	1	0	
2	Dự án nhà ở cao tầng CT01 khu dân cư 9,1ha Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	HUD			2 ĐN 9T	142,0	B		10	10	3	5	2	
III	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 5								501	633	163	48	88	27	
	<i>Dự ánĐT XD/HTKT</i>								501	493	100	30	54	16	
1	Dự án khu đô thị mới Phú Mỹ	Tp Quảng Ngãi	HUD	2009	2015	122 ha	1.531,5	A	501	493	100	30	54	16	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								140	63	19	34	10		
1	Dự án Tuyến phố Trung tâm LK*1-LK*6	Tp Quảng Ngãi	HUD	2012	2019			B		140	63	19	34	10	
IV	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 6								260	254	206	42	107	57	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								260	254	206	42	107	57	
1	Dự án Tổ hợp Chung cư và Văn phòng (HUD BUILDING NHA TRANG)	Tp Nha Trang	HUD	2016	2019	3.753 m2 25+2 tầng	745,5	A	260	254	206	42	107	57	
V	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 8								1.502	1.331	207	73	87	48	
	<i>Dự ánĐT XD/HTKT</i>								1.502	1.331	187	66	78	43	
1	Dự án Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ GD1, Tx Thủ Dầu Một, Bình Dương	Bình Dương	HUD	2008	2011	146 ha	1.834,2	A	995	824	185	65	77	43	
2	Dự án Khu dân cư Long Thọ- Phước An	Đồng Nai	HUD	2002	2017	223.2 ha	838,1	B	507	506	2	1	1	0	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								0	20	7	8	5		
1	Dự án khu nhà ở thấp tầng	Bình Dương	HUD	2018	2019	30 căn	20,0	B		0	20	7	8	5	
VI	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 9								1.899	1.791	182	39	97	46	
	<i>Dự ánĐT XD/HTKT</i>								1.899	1.791	135	29	72	34	
1	Dự án HTKT khu đô thị mới Đông Tăng Long	Quận 9, TP.HCM	HUD	2004	2019	159,36 ha	3.440,0	A	1.899	1.791	135	29	72	34	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>									47	10	25	12		
I	Dự án Khu nhà ở số 4 thuộc Khu đô thị mới Đông Tăng Long	Quận 9, TP.HCM	HUD	2017	2019	2,075 ha 42037m2 sàn 143 căn hộ	389,4	B			47	10	25	12	
VII	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 11								1.437	995	55	9	41	5	

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	<i>Dự án DT XD HTKT</i>								1.437	995	55	9	41	5	
1	Dự án cải tạo chỉnh trang tuyến phố Ngô gia Tự và đầu tư XD HTKT khu đô thị mới Việt Hưng	Long Biên, Hà Nội	HUD	2003	2011	302,5 ha	2.962	A	1.437	995	55	9	41	5	
VIII	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 12</b>								670	659	229	56	115	58	
	<i>Dự án DT XD HTKT</i>								670	659	163	42	86	35	
1	Công trình Hạ tầng kỹ thuật, Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2	Mê Linh, Hà Nội	HUD	2011	2019	55,4 ha	1.873,0	A	670	659	163	42	86	35	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>										66	13	30	23	
1	Nhà ở thu nhập thấp, Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2	Mê Linh, Hà Nội	HUD	2019	2020	08 khối 6T	688,4	B			56	11	25	20	
2	Nhà ở thấp tầng, Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2	Mê Linh, Hà Nội	HUD	2019	2023		1.446,5	B			10	2	5	4	
IX	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN HUDTOWER</b>								1.752	1.286	38	11	19	7	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								1.752	1.286	38	11	19	7	
1	Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER	Thanh xuân, Hà Nội	HUD	2009	2018	6.500 m2 đất 32T+3H 28T+3H	2.059,1	A	1.752	1.286	38	11	19	7	
X	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN HUD-ĐÀ LẠT</b>								268	182	197	39	89	68	
	<i>Dự án DT XD HTKT</i>								268	182	177	35	80	61	
1	Dự án Khu dân cư số 5, phường 4, Đà Lạt - GĐ1	Tp Đà Lạt, Lâm Đồng	HUD	2010	2013	38,1ha	461,3	B	268	182	177	35	80	61	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>										20	4	9	7	
1	Các lô nhà thấp tầng, Dự án Khu dân cư số 5, phường 4, Đà Lạt - Giai đoạn 1	Tp Đà Lạt, Lâm Đồng	HUD	2019	2023			B			20	4	9	7	
XI	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN HIỆP BÌNH PHƯỚC</b>								633	573	166	40	80	47	
	<i>Dự án DT XD HTKT</i>								633	573	166	40	80	47	
1	Dự án Khu dân cư số 6 thuộc khu dân cư công viên giải trí Hiệp Bình Phước	Thủ Đức, TPHCM	HUD	2004	2023	26,7 ha		B	633	573	166	40	80	47	
	<b>CÁC DỰ ÁN ỦY QUYỀN CÔNG TY CÒN THỰC HIỆN</b>								3.005	2.628	31	7	13	11	
XII	<b>DỰ ÁN TÂY NAM LINH ĐÀM - CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ HUD2</b>								1.417	1.174	13	4	6	3	
	<i>Dự án DT XD HTKT</i>								1.417	1.174	13	4	6	3	
1	Dự án khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm	Thanh Trì, Hà Nội	HUD	2007	2018	32,4 ha	2.147,7	A	1.417	1.174	13	4	6	3	

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
XIII	DỰ ÁN KHU NHÀ Ở BẮC LINH ĐÀM MỞ RỘNG - CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ HUD2										2	0	1	1	
	<i>Dự ánĐT.XD.HTKT</i>										2	0	1	1	
1	Dự án khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng X1, X2		HUD					B			2	0	1	1	
XIV	DỰ ÁN VẠN CANH - CÔNG TY CPĐT PHÁT TRIỂN NHÀ & ĐÔ THỊ HUD8								1.155	1.083	12	2	4	6	
	<i>Dự ánĐT.XD.HTKT</i>								1.155	1.083	12	2	4	6	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Vạn Canh, Hoài Đức, Hà Nội	Hoài Đức, Hà Nội	HUD	2007	2011	69,8 ha	1.917,7	A	1.155	1.083	12	2	4	6	
XV	DỰ ÁN PHƯỚC AN - CÔNG TY CPĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD SÀI GÒN								433	372	3	1	2	1	
	<i>Dự ánĐT.XD.HTKT</i>								433	372	3	1	2	1	
1	Dự án Khu đô thị mới Phước An	Nhon Trạch, Đông Nai	HUD	2006	2015	150 ha	665,3	B	433	372	3	1	2	1	
A2	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								30	91	33	14	10	9	
I	BAN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN								10	10	2	2	-	-	
1	Dự án khu đô thị mới Tân Lập	Đan Phượng, Hà Nội	HUD			177 ha			8	8	1	1	-	-	
2	Dự án Khu đô thị mới Mê Linh - Đại Thịnh	Mê Linh, Hà Nội	HUD			136,6 ha			1	1	1	1	-	-	
3	Dự án Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 1	Mê Linh, Hà Nội	HUD			53,57 ha			2	2	0	0	-	-	
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ I								16	16	14	6	3	5	
	<i>Dự ánĐT.XD.HTKT</i>								15	14	10	2	3	5	
1	Dự án khu đô thị mới Nam An Khánh	Hoài Đức, Hà Nội	HUD			33,73 ha			15	14	10	2	3	5	
	<i>Dự án thành phần, công trình</i>								2	2	4	4	-	-	
1	Dự án Tòa nhà HUD - Mỹ Đình	Mỹ Đình, Hà Nội	HUD			7782 m2			2	2	4	4	-	-	
III	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ II								3	3	0	0	-	-	
	<i>Dự ánĐT.XD.HTKT</i>								3	3	0	0	-	-	
1	Dự án Phố Nội Hưng Yên	Hưng Yên	HUD			40 ha			2	2	0	0	-	-	
2	Dự án Nhà ở xã hội phường Giang Biên	Long Biên, Hà Nội	HUD			2,6 ha			1	1	0	0	-	-	



Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m <sup>2</sup> )	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lấy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lấy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
IV	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ 8									62	17	6		4	
	Dự án ĐT XD HTKT									62	17	6		4	
1	Dự án Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ GD2, Tx Thủ Dầu Một, Bình Dương	Bình Dương	HUD			146 ha			-	62	17	6	7	4	

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN</b>								4.414	4.159	1.728	357	877	492	
<b>I</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ XD HUD1</b>								926	904	300	60	150	90	
1	Dự án Khu nhà ở 176 Định Công	Hà Nội	HUD1	2017	2019	1,3ha	1.800,0	A	926	904	300	60	150	90	
<b>II</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ PT NHÀ HUD2</b>										103	20	51	30	
1	Dự án Công trình CT-B1, B2 khu ĐTM Tây Nam Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	Hà Nội	HUD2	2014	2016	21T	690,0	B			1	0	1	0	
2	Dự án Công trình tại 777 Giải Phóng, Hà Nội	Hà Nội	HUD2	2018	2020	28T	900,0	B			43	9	22	13	
3	Dự án khu dân cư đường Cao Bá Quát, phường 7, Tp Đà Lạt, Lâm Đồng	Lâm Đồng	HUD2								1	0	1	0	
4	Các dự án mới										58	12	29	17	
<b>III</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ XD HUD3</b>										100	20	50	30	
1	Dự án Tòa nhà Hanel - Hud3	Hà Nội	HUD3	2017	2019			B			2	0	1	1	
2	Dự án Khu nhà ở hỗn hợp Việt Hiến	Hà Nội	HUD3	2017	2020			B			67	13	33	20	
3	Dự án lô LKV-19A, LKV-20A khu ĐTM Hud Sơn Tây, Sơn Tây, Hà Nội	Hà Nội	HUD3	2017	2020			B			31	6	16	9	
<b>IV</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ XD HUD4</b>								872	803	190	38	98	54	
1	Dự án Khu đô thị sinh thái Sông Đơ	Thanh Hóa	HUD4	2013	2020	67,4ha	931,0	B	548	498	105	21	55	29	
2	Dự án Khu nhà ở TNT C5 tại khu đô thị Nam Tp Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4	2014	2016	0,55ha	190,4	B	199	180	1	0	1	0	
3	Dự án NOXH cán bộ chiến sỹ công an tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4						50	50	32	6	16	10	
4	Dự án khu nhà ở lô 2, 3 Quảng Hưng, Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4						53	53	22	4	11	7	
5	Dự án khu B khu CN Bim Sơn, Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4						20	20	24	5	12	7	
6	Dự án khu Biệt thự phía Tây đường Nguyễn Đức Cảnh, Tp Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4						0	0	4	1	2	1	
7	Dự án khu dân cư số 6, Tp Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD4						2	2	2	0	1	1	
<b>V</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ PT BĐS HUDLAND</b>								554	509	53	11	28	15	
1	Dự án Khu ĐTM đường Lê Thái Tổ, Bắc Ninh	Bắc Ninh	HUDLAND	2015	2018	36,1ha	569,4	B	551	507	42	8	22	11	

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Dự án công trình CC3 ĐTM đường Lê Thái Tổ, Bắc Ninh	Hải Dương	HUDLAND						-	-	4	1	-2	1	
3	Dự án Sân Golf quốc tế Thuận Thành, Bắc Ninh	Hải Dương	HUDLAND						-	-	6	1	3	2	
4	Dự án Khu ĐTM Bình Giang, Hải Dương	Hải Dương	HUDLAND	2015	2020	43,8ha	643,0	B	3	2	1	0	1	0	
<b>VI</b>	<b>CÔNG TY CPĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD6</b>								227	224	100	20	51	29	
1	Dự án Công trình CC-05 Việt Hưng, Gia Lâm, Hà Nội	Thanh Hóa	HUD6	2016	2020	0,72ha	353,9	B	140	137	44	9	23	12	
2	Dự án LK26, LK28, BT01 tại khu đô thị Đông Sơn, Tp Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD6						87	87	-	-	-	-	
3	Các dự án mới		HUD6								56	11	28	17	
<b>VII</b>	<b>CÔNG TY CPĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8</b>								793	772	152	30	79	43	
1	Dự án Xuân Phương Garden, Hà Nội	Hà Nội	HUD8				265,3	B	114	114	111	22	58	30	
2	Dự án Nhà ở thấp tầng dự án HUD Sơn Tây, Hà Nội	Hà Nội	HUD8				145,1	B	75	75	19	4	10	6	
3	Dự án Khu nhà ở Bình Minh, Tp Lào Cai	Lào Cai	HUD8	2011	2015	4,51ha	218,1	B	208	201	1	0	1	0	
4	Dự án lô TT2, TT6B, TT6D khu đô thị Tây nam hồ Linh Đàm, Hà Nội	Hà Nội	HUD8	2013	2015	0,96ha	524,4	B	396	381	1	0	1	0	
5	Các dự án mới		HUD8								20	4	10	6	
<b>VIII</b>	<b>CÔNG TY CPĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD SAIGON</b>										73	15	38	20	
1	Dự án Nhóm nhà số 4 tại Khu ĐTM Đông Tăng Long, Tp Hồ Chí Minh	Tp HCM	HUD Sài Gòn						-	-	72	14	38	20	
2	Dự án Khu dân cư số 6 Hiệp Bình Phước, Tp Hồ Chí Minh	Tp HCM	HUD Sài Gòn						-	-	1	0	1	0	
<b>IX</b>	<b>CÔNG TY CPĐT VÀ XD HUD10</b>								18	18	48	10	25	13	
1	Dự án Khu dân cư Kê Sặt, Hải Dương	Hải Dương	HUD10			0,75ha	-	B	18	18	48	10	25	13	
<b>X</b>	<b>CÔNG TY CP PT NHÀ Ở XH HUD.VN</b>										175	35	91	49	
1	Dự án lô LK-29 khu ĐTM Đông Sơn, Thanh Hóa	Thanh Hóa	HUD.VN				-	B			10	2	5	3	
2	Dự án lô LKV-13, LKV-20B khu ĐTM Hud Sơn Tây, Sơn Tây, Hà Nội	Hà Nội	HUD.VN				-	B			24	5	12	6	
3	Dự án BT nâng cấp đường tỉnh ĐT292 Bắc Giang	Bắc Giang	HUD.VN				-	B			50	10	26	14	
4	Dự án khu nhà ở Ao Bàng và Tây Nội Phú, Gia Bình, Bắc Ninh	Bắc Ninh	HUD.VN				-	B			50	10	26	14	

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành	Quy mô (ha/m2)	Tổng mức đầu tư/Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nhóm dự án	Lũy kế thực hiện đến hết 31/12/2018	Lũy kế giải ngân đến hết 31/12/2018	Kế hoạch đầu tư năm 2019				Ghi chú
											Tổng cộng	Vốn tự có	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng thương mại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
5	Các dự án mới										42	8	21	13	
XI	CÔNG TY CP PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD NHA TRANG								906	819	161	32	80	48	
1	Dự án Khu ĐTM Phước Long, Tp Nha Trang	Nha Trang	HUD Nha Trang	2009	2015	48,2ha	673,0	B	639	576	-	-	-	-	
2	Dự án Nhà ở XH tại Khu ĐTM Phước Long, Tp Nha Trang	Nha Trang	HUD Nha Trang	2017	2019	6T	-	B	167	160	105	21	52	31	
3	Dự án Khu Biệt thự Sea Park, Tp Nha Trang	Nha Trang	HUD Nha Trang	2008	2022	7,78ha	163,8	B	95	77	20	4	10	6	
4	Dự án Khu đô thị Công viên trung tâm Đồng Xoài, Khánh Hòa	Khánh Hòa	HUD Nha Trang						5	5	36	7	18	11	
XII	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ (HUDS)								64	60	114	35	52	27	
1	Dự án Khu nhà ở Vũ Lâm, Ba Vì, Tp Sơn Tây	Tp Sơn Tây	HUDS						61	58	35	7	18	10	
2	Dự án CC 370 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	Hà Nội	HUDS			15T 2100m2	106,0	B	3	3	-	-	-	-	
3	Dự án Lương Sơn - Hòa Bình, Hà Nội	Hà Nội	HUDS						-	-	50	10	26	14	
4	Dự án Nhà trẻ Đồng Bẩm, Tp Thái Nguyên	Thái Nguyên	HUDS						-	-	9	2	5	2	
5	Dự án Phố Yên, Tp Thái Nguyên	Thái Nguyên	HUDS						-	-	5	1	3	1	
6	Đầu tư mua sắm vật tư thiết bị, sửa chữa tài sản	Thái Nguyên	HUDS						-	-	15	15			
XIII	CÔNG TY CP ĐT PT NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUDSE								54	50	13	3	7	3	
1	Dự án LK2, LK4 Khu ĐT 9, 1ha Hà Tĩnh	Bắc Ninh	HUDSE	2016	2018	1,5ha	100,0	B	54	50	13	3	7	3	
XIV	CÔNG TY TNHH MTV ĐT VÀ XD KIẾN GIANG										100	20	53	27	
1	Dự án Khu đô thị Suối Lớn, Phú Quốc	Kiên Giang	HUD KG			90ha	-	A			100	20	53	27	
XV	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD ĐÔ THỊ VIỆT NAM (VINA UIC)										35	7	18	10	
1	Dự án Khu dân cư Kê Sặt, Hải Dương	Hải Dương	VINA UIC			0,75ha	-	B			35	7	18	10	
XVI	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TAM ĐẢO										11	2	6	3	
1	Cải tạo một số hạng mục Dự án sân golf Tam Đảo, Hà Nội	Hà Nội	HUD TĐ								3	1	2	1	
2	Dự án LK-06, LK-08 khu ĐTM 9, 1ha Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	HUD TĐ								8	2	4	2	